

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**NHỮNG ĐIỀU SINH VIÊN
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN CẦN BIẾT
(TÁI BẢN LẦN THỨ HAI, CÓ SỬA CHỮA BỔ SUNG)**

**Tài liệu tham khảo nội bộ dành cho sinh viên
Đại học chính quy**

HÀ NỘI - 2014

BAN BIÊN TẬP

1. GS.TS. Trần Thọ Đạt
Hiệu trưởng *Trưởng Ban chỉ đạo*
2. GS.TS. Phạm Quang Trung
Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo đại học *Phó Trưởng Ban chỉ đạo*
3. ThS. Lê Xuân Tùng
Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD *Trưởng Ban Biên tập*
4. GS.TS. Nguyễn Quang Đông
Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo *Ủy viên Ban biên tập*
5. ThS. Tạ Mạnh Thắng
Phó Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD *Ủy viên TT Ban biên tập*
6. ThS. Bùi Đức Dũng
Q.Trưởng Phòng Tổng hợp *Ủy viên Ban biên tập*
7. ThS. Nguyễn Hoàng Hà
Trưởng Phòng CTCT và Quản lý sinh viên *Ủy viên Ban biên tập*
8. PGS.TS. Phạm Thị Bích Chi
Trưởng Phòng Tài chính kế toán *Ủy viên Ban biên tập*

Và các chuyên viên thuộc Bộ phận Cố vấn học tập chuyên trách của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, góp ý và cung cấp tài liệu của các Phòng chức năng, các đơn vị trong Trường để Ban Biên tập hoàn thành nhiệm vụ.

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	9
Phần I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ	
QUỐC DÂN	11
I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG	11
II. SỨ MỆNH - TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN	
TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2020	13
1. Sứ mệnh	13
2. Tầm nhìn	13
3. Mục tiêu phát triển Trường đến năm 2020	13
3.1 Mục tiêu chung.....	13
3.2. Các mục tiêu cụ thể.....	14
III. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	15
Hướng dẫn sử dụng điện thoại gọi từ ngoài vào trường.....	15
1. Phòng Quản lý đào tạoHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO:	16
2. Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục	17
3. Phòng Tổng hợp.....	17
4. Phòng Công tác chính trị và quản lý sinh viên.....	18
5. Phòng Quản trị - Thiết bị - Bộ phận Giảng đường	18
6. Phòng Tài chính - kế toán	18
7. Phòng Quản lý khoa học	19
8. Trung tâm Thông tin tư liệu thư viện.....	19
9. Trạm Y tế	19
10. Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ đào tạo.....	19
11. Văn phòng Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	20

IV. CÁC CẤP VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG	20
Phần II. CÁC VĂN BẢN VỀ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN.....	21
I. QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA 16 CHUYÊN NGÀNH .	21
II. QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH.....	21
1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	21
2. Ngoại ngữ thứ nhất và ngoại ngữ thứ hai	22
3. Tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ.....	22
4. Tổ chức lớp học phần ngoại ngữ.....	24
5. Miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ.....	24
6. Kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp	32
7. Quy trình thủ tục xin miễn thi, miễn học	32
III. CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC.....	33
1. Phạm vi và đối tượng áp dụng	33
2. Nội dung chuẩn đầu ra	33
2.1. Yêu cầu về kiến thức.....	33
2.2. Yêu cầu về kỹ năng.....	35
2.3. Khả năng học tập và nâng cao trình độ.....	36
B. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO	36
I. CÁC LOẠI HỌC PHẦN	36
1. Đăng ký khối lượng học tập và rút bớt học phần đã đăng ký	38
1.1. Quy trình quản lý tài khoản (account)	39
1.2. Quy trình cấp lại mật khẩu cho tài khoản sinh viên trên hệ thống mạng quản lý đào tạo	42
1.3. Quy trình đăng ký học theo học chế tín chỉ.....	43
2. Học lại.....	45
Quy trình đăng ký học cải thiện điểm/nâng điểm	46

3. Nghỉ học tạm thời.....	47
<i>Quy trình xin nghỉ học tạm thời (Bảo lưu)</i>	48
4. Học cùng lúc hai chương trình	50
5. Xếp hạng năm đào tạo và học lực	52
6. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học	53
7. Bảo lưu kết quả học tập chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo	54
II. KIỂM TRA, THI HỌC PHẦN VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	55
1. Đánh giá của giáo viên đối với sinh viên.....	55
2. Kiểm tra học phần.....	56
3. Kỳ thi, hình thức thi và lịch thi kết thúc học phần.....	57
<i>Quy trình hoãn thi, chuyển ca thi, thi bổ sung</i>	59
4. Khiếu nại điểm và xem lại kết quả bài thi học phần.....	64
<i>Quy trình xem lại kết quả bài thi học phần</i>	66
5. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập	68
III. THỰC TẬP CUỐI KHOÁ, XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP.....	70
1. Thực tập cuối khoá và viết chuyên đề thực tập.....	70
2. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp	74
3. Cấp Bằng tốt nghiệp đại học.....	76
IV. KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT	78
1. Các hành vi học sinh, sinh viên không được làm	78
2. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về kiểm tra, thi, làm đồ án và viết chuyên đề thực tập.....	79
3. Nội dung, hình thức thi đua, khen thưởng	80
4. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng	82

5. Hình thức kỷ luật và nội dung vi phạm.....	83
6. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật	84
7. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật	85
Phần III. CÁC VĂN BẢN VỀ HỖ TRỢ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN	87
I. QUY ĐỊNH VỀ CỔ VẤN HỌC TẬP	87
1. Hệ thống Cổ vấn học tập.....	87
2. Nhiệm vụ của Cổ vấn học tập kiêm nhiệm	88
3. Trách nhiệm của CVHT kiêm nhiệm về tổ chức làm việc với các lớp phụ trách	89
II. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN ..	90
1. Mục đích và yêu cầu của hoạt động NCKH.....	91
2. NCKH của sinh viên là một hoạt động chính khoá, bao gồm các nội dung chính sau đây:	91
3. Xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của sinh viên	92
4. Quyền lợi của sinh viên trong NCKH.....	92
III. QUY ĐỊNH THAM KHẢO TÀI LIỆU TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN	94
Phần IV. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH	99
I. QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH VỀ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.....	99
1. Cấp mới và cấp lại thẻ sinh viên.....	99
2. Quy trình kết nạp vào Đảng đối với Đoàn viên ưu tú.....	100
3. Quy trình làm thủ tục để mua vé xe Bus.....	102
4. Quy trình cấp giấy giới thiệu để đăng ký xe gắn máy	102
II. QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ VÀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HỆ CHÍNH QUY	102

1. Học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	103
2. Thu học phí	105
3. Đối tượng được miễn học phí	105
4. Đối tượng được giảm 50% học phí, gồm:.....	109
5. Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	109
6. Quy trình làm thủ tục miễn giảm học phí	111
III. QUY ĐỊNH VỀ HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY	115
1. Tiêu chuẩn và mức xét cấp học bổng khuyến khích học tập (KKHT)	115
2. Nguồn cấp học bổng khuyến khích học tập	116
3. Thủ tục và trình tự xét cấp học bổng khuyến khích học tập ...	116
IV. VỀ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN.....	118
1. Đối tượng được vay vốn	118
2. Phương thức cho vay	119
3. Điều kiện vay vốn	119
4. Mức vốn cho vay	120
5. Thời hạn cho vay.....	120
6. Lãi suất cho vay	121
7. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, trả nợ.....	121
8. Trả nợ gốc và lãi tiền vay.....	121
9. Ưu đãi lãi suất trong trường hợp trả nợ trước hạn	121
10. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn	121
11. Xử lý rủi ro do nguyên nhân khách quan.....	122
Các bài ca truyền thống.....	123

LỜI NÓI ĐẦU

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được thành lập từ năm 1956, có quy mô và uy tín nhất trong hệ thống các trường đại học về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh (QTKD) ở Việt Nam. Là một trường trọng điểm của Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có các chương trình đào tạo từ bậc đại học tới tiến sỹ, với **16 ngành đào tạo** về kinh tế, quản lý và QTKD và **45 chuyên ngành** khác nhau. Ngoài ra, Trường còn đào tạo **Chương trình tiên tiến (2 ngành)** và **Chương trình chất lượng cao (6 ngành)**, **Chương trình POHE (4 ngành)**; QTKD học bằng tiếng Anh (E-BBA) và Cử nhân Quốc tế (IDB@neu)...

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân không chỉ là địa chỉ uy tín cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam mà còn là đối tác tin cậy của các cơ quan Chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu, các trường đại học có uy tín trên thế giới. Nhiều dự án hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu có chất lượng cao đã và đang thực hiện tại Trường. Nhiều mô hình quản lý kinh tế và QTKD được chuyển giao từ ngôi trường này.

Để giúp các em sinh viên nắm được các thông tin cơ bản và cần thiết về tổ chức và quản lý đào tạo, khung chương trình học và các hoạt động khác có liên quan trong suốt quá trình học Nhà trường tổ chức biên tập cuốn: **“Những điều sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân cần biết”**, với hy vọng sinh viên sử dụng cuốn sách như cẩm

nang để tự quản lý việc học tập, rèn luyện và sinh hoạt, qua đó sinh viên xác định niềm tin, tự hào hiểu được truyền thống và vị thế của Nhà trường, đồng thời xây dựng thái độ học tập và phương hướng phấn đấu đúng đắn.

Ban biên tập mong muốn cuốn sách nhỏ này sẽ là tài liệu bổ ích đồng hành cùng các bạn sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Trong lần tái bản này, Ban biên tập đã cập nhật, bổ sung những quy định, quy trình mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn và giới thiệu cùng các em sinh viên!

BAN BIÊN TẬP

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

Là trường đại học công lập thành lập năm 1956, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU) là trường hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý ở Việt Nam. Trường hiện có trên 45.000 sinh viên, với 1.228 cán bộ nhân viên, trong đó có 759 giảng viên: 20 giáo sư, 95 phó giáo sư, 255 tiến sĩ và 391 thạc sĩ. Đào tạo đại học có 45 chuyên ngành thuộc 15 ngành đào tạo như: Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Ngân hàng và Tài chính, Kế toán, Toán tài chính, Thống kê kinh tế, Kinh tế tài nguyên, Hệ thống thông tin kinh tế, Quản trị du lịch và lữ hành, Marketing, Bất động sản, Quản lý nguồn nhân lực, Luật, Khoa học máy tính và Ngôn ngữ Anh. Đào tạo sau đại học bao gồm 33 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 22 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ về kinh tế, kinh doanh và quản lý.

Nghiên cứu khoa học là một trong những hoạt động chính của trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường có một đội ngũ các nhà khoa học là các chuyên gia hàng đầu, được đánh giá cao bởi khả năng nghiên cứu và tư vấn. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là một trung tâm có uy tín về nghiên cứu kinh tế, kinh doanh và quản lý; tư vấn chính sách kinh tế cho Đảng, Chính phủ, các bộ ngành các địa phương cũng như tư vấn về chiến lược và quản trị kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân hiện là chủ tịch của mạng lưới các trường có đào tạo về kinh tế - QTKD và quản lý ở Việt Nam (VNEUs). Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là một trong những trường đại học đi đầu tại Việt Nam thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều tổ chức khóa học quốc tế uy tín đến từ các quốc gia như Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Đức, Thụy Điển, Hà Lan, Nga, Trung Quốc, Bun-ga-ri, Ba lan, Séc, Xi-lô-va-ki-a, Ca-na-da, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Thái lan,.. Trường đã nhận được nhiều tài trợ từ nhiều chính phủ và các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á, UNFPA, UNDP, Chính phủ Đức, Chính phủ Hà lan, SIDA (Hoa Kỳ), APEFE (Bi) và những tổ chức khác để tiến hành nghiên cứu, phát triển chương trình giảng dạy và cung cấp các chương trình đào tạo cử nhân và thạc sĩ quốc tế cũng như các chương trình bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Thành tích	Năm
Huân chương Hồ Chí Minh lần 2	2011
Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam	2010
Huân chương Hồ Chí Minh lần 1	2001
Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới	2000
Huân chương Độc lập	Hạng Nhất (1996), Hạng Nhì (1991), Hạng Ba (1986)
Huân chương Lao động	Hạng Nhất (1983), Hạng Nhì (1978), Hạng Ba (1961-1972)
Huy chương Hữu nghị của nước Cộng hòa DCND Lào	(1987, 2008)
Hàng chục Bằng khen, Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GD&ĐT và các bộ, ngành khác	Các năm

II. SỨ MỆNH - TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2020

1. Sứ mệnh

Là trường trọng điểm quốc gia, trường đại học hàng đầu về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có sứ mệnh cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ chất lượng cao, có thương hiệu và danh tiếng, đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế về lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới.

2. Tầm nhìn

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phấn đấu phát triển thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, đạt chất lượng đẳng cấp khu vực và quốc tế trong lĩnh vực quản lý kinh tế, QTKD và một số lĩnh vực mũi nhọn khác. Phấn đấu trong những thập kỷ tới, Trường được xếp trong số 1.000 trường đại học hàng đầu trên thế giới.

3. Mục tiêu phát triển Trường đến năm 2020

3.1 Mục tiêu chung

Giữ vững, phát huy và khẳng định vị thế trường trọng điểm quốc gia, trường đầu ngành trong hệ thống giáo dục đại học của cả nước, phát triển Trường Đại học Kinh tế Quốc dân thành trường đại học đa ngành định hướng nghiên cứu về kinh tế, quản lý và QTKD, đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế nhằm phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, phục vụ có hiệu quả nhu cầu phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế - xã hội Việt Nam.

3.2. Các mục tiêu cụ thể

(1) Đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, chuẩn hoá đội ngũ giảng dạy và phục vụ; tạo ra sự đột phá về chất lượng đào tạo ở một số ngành, chuyên ngành mũi nhọn, đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế đảm bảo sự lan toả và làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng toàn diện các hệ đào tạo.

(2) Mở rộng, phát triển và khẳng định vị thế là một trung tâm nghiên cứu khoa học, tư vấn kinh tế và QTKD lớn, có uy tín hàng đầu của Việt Nam.

(3) Phát triển quan hệ hợp tác, liên kết chặt chẽ và nâng cao vai trò đào tạo, nghiên cứu và tư vấn trong mạng lưới các trường đại học có đào tạo về kinh tế và QTKD, trong hệ thống giáo dục đại học, Viện nghiên cứu, các doanh nghiệp ở Việt Nam. Mở rộng quan hệ hợp tác trao đổi có hiệu quả với các trường đại học, Viện nghiên cứu và các Tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Mở rộng ảnh hưởng và không ngừng nâng cao hình ảnh, uy tín của Trường ở trong và ngoài nước.

(4) Phấn đấu trở thành Trường đại học hiện đại với đầy đủ cơ sở vật chất và các trang thiết bị tiên tiến, môi trường phục vụ đào tạo và nghiên cứu cơ bản, đạt tiêu chuẩn khu vực với hệ thống giảng đường đủ tiêu chuẩn, hệ thống thư viện hiện đại cùng một hệ thống các dịch vụ cung cấp có chất lượng cao.

III. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hướng dẫn sử dụng điện thoại gọi từ ngoài vào trường

(1) Gọi từ các thuê bao trong Thành phố Hà Nội (*nội hạt*)

Bấm số tổng đài: 36 280 280

Sau lời chào, bấm số máy lẻ cần gọi, hoặc bấm số 0 để nhận được trợ giúp của nhân viên tổng đài.

(2) Gọi từ các thuê bao ngoại tỉnh hoặc di động

Bấm số: 04 36 280 280

Sau lời chào, bấm số máy lẻ cần gọi, hoặc bấm số “0” để nhận được sự trợ giúp của nhân viên tổng đài.

Mọi chi tiết trong quá trình sử dụng, xin liên hệ bộ phận kỹ thuật Tổng đài của trường theo số: **(04) 36 280 280, số máy lẻ 6698, 6788.**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Địa chỉ: <http://www.neu.edu.vn>

HỆ THỐNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC TRỰC TUYẾN

Địa chỉ: <http://www.khaothi-dbclgd.neu.edu.vn/HoTroTrucTuyen/HoTroTrucTuyen.aspx>

Văn phòng cố vấn học tập chuyên trách

Địa chỉ: Phòng 306, Nhà 10

Tell: (04) 36 280 280 số máy lẻ 5157

Email: kaothi-dbcl@neu.edu.vn; cvht.ktqd@gmail.com

1. PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO:

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà 10

Website: <http://www.daotao.neu.edu.vn/>

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

(1) Bộ phận xây dựng các quy định, quy chế

(Phòng 1.1a - Nhà 10. ĐTNB: 5100);

(2) Bộ phận Lập kế hoạch học tập

(Phòng 1.3 - Nhà 10. ĐTNB: 5658);

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa;

b) Tổ chức đăng ký tín chỉ, đăng ký học nâng điểm, hủy học phần, đăng ký thực tập cuối khóa.

(3) Bộ phận Tổ chức thi cho sinh viên *(Phòng 1.2 - Nhà 10. ĐTNB: 5111);*

- Bố trí lịch thi cho sinh viên;

- Làm thủ tục hoãn thi *(nếu sinh viên bị ốm, tai nạn và những trường hợp đặc biệt khác);*

- Chuyển ca thi *(nếu sinh viên có lịch thi bị trùng nhiều môn và có ca thi khác trong cùng đợt thi);*

- Thi bổ sung *(nếu sinh viên đã hoãn thi từ kỳ trước và chưa thi bổ sung);*

(4) Quản lý quá trình giảng dạy, học tập, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp *(Phòng 1.2 - Nhà 10. ĐTNB: 5111)*

(5) Quản lý sự thay đổi của sinh viên: chuyển đi, chuyển đến, bảo lưu, dừng học, thôi học *(Phòng 1.2-Nhà 10. ĐTNB: 5953).*

Địa chỉ trang Web quản lý đào tạo

<https://qldt2.neu.edu.vn/CMCSoft.IU.Web.Info/login.aspx>

2. PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Địa chỉ: Tầng 3, Nhà 10

Website: <http://www.khaothi-dbcldg.dneu.edu.vn/>

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

(1) Bộ phận Khảo thí (Đ/c Phòng 302 - Nhà 10. ĐTNB: 5151)

Thực hiện nhiệm vụ khảo thí đối với các loại hình thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp, thi học phần thuộc các hệ đào tạo của Trường, Xem lại bài thi hệ đào tạo Đại học Chính Quy.

(2) Bộ phận Cố vấn học tập

(Đ/c Phòng 306 - Nhà 10. ĐTNB: 5157)

Thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho sinh viên về các vấn đề liên quan đến quy định, quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định về đào tạo của Nhà trường; tư vấn, hỗ trợ thông tin và định hướng về quá trình học tập, rèn luyện, thực hiện quyền và nghĩa vụ của sinh viên; tư vấn liên hệ công việc đúng kênh, đúng việc, đúng đối tượng;

3. PHÒNG TỔNG HỢP

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà 7

Website: <http://www.phongtonghop.dneu.edu.vn/>

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

(1) Bộ phận đóng dấu các loại giấy tờ

(Đơn từ, bảng điểm, bằng tốt nghiệp do Trường cấp)

(Phòng 105 - Nhà 7. Điện thoại: 5711)

(2) Bộ phận làm thẻ sinh viên; Cấp lại thẻ sinh viên

(Phòng 105 - Nhà 7. Điện thoại: 6336);

(3) Cấp bản sao các loại giấy tờ do Nhà trường phát hành

(Phòng 106 - Nhà 7. Điện thoại: 5717);

4. PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ SINH VIÊN

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà 7

Website: <http://www.phongctctqlsv.neu.edu.vn/>

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

(1) Bộ phận Tổ chức học chính trị đầu khóa cho sinh viên

(P109, 110 - Nhà 7; ĐT:0912307238)

(2) Bộ phận xác nhận các giấy tờ của sinh viên

(Phòng 109, 110 - Nhà 7; ĐTNB: 5719 - 5720)

- Chứng nhận là sinh viên;
- Làm thủ tục miễn giảm học phí cho sinh viên;
- Làm thủ tục xác nhận vay vốn, đăng ký xe gắn máy, mua vé xe bus.

(3) Bộ phận chủ trì các công tác sau:

- Xét duyệt bổng khuyến khích học tập cho sinh viên;
- Xét duyệt bổng tài trợ và các loại học bổng khác của sinh viên;
- Xét kết quả rèn luyện cho sinh viên;
- Xét khen thưởng và kỷ luật sinh viên...

(Địa chỉ: Phòng 109, 110 - Nhà 7; ĐTNB: 5719 - 5720)

5. Phòng Quản trị - Thiết bị - Bộ phận Giảng đường

(Địa chỉ: B100 - ĐTNB: 5412)

Địa chỉ trang Web quản lý giảng đường

<http://qlgd.neu.edu.vn/> hoặc <http://www.site.edu.vn>

6. PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà 7

Website: <http://www.phongtaichinhketoan.neu.edu.vn/>

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

(1) Bộ phận Thu học phí (Địa chỉ: P102 - Nhà 7; ĐTNB: 5705)

(2) Bộ phận chi trả học bổng (Địa chỉ: P102 - Nhà 7; ĐTNB: 5702)

7. PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà 6

Website: <http://www.vneu.edu.vn/index.aspx>

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

(1) Bộ phận NCKHSV, tài trợ cho hoạt động NCKHSV (Địa chỉ: P104 - Nhà 6; ĐTNB: 5603)

8. TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ LIỆU THƯ VIỆN

Địa chỉ: Tòa nhà 3 tầng, Đại học Kinh tế Quốc dân

Website: <http://www.tthongtinthuvien.neu.edu.vn/>

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

(1) Phòng phục vụ bạn đọc: (Địa chỉ: P104-TTTV ; ĐTNB: 5350)

(2) Phòng thông tin thư mục:

(Địa chỉ: P204,205 - TTTV; ĐTNB: 5364,5362)

(3) Phòng tin học: (Địa chỉ: P101 - TTV; ĐTNB: 5705)

9. TRẠM Y TẾ

Địa chỉ: Trạm y tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

(1) Khám sức khỏe, Bảo hiểm y tế

(Địa chỉ: Nhà y tế; ĐTNB: 5481)

(2) Khám sức khỏe, cấp phát thuốc, các thủ tục khác

(Địa chỉ: Nhà y tế; ĐTNB: 5475,5992)

10. TRUNG TÂM DỊCH VỤ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO

Địa chỉ: Nhà 11, Đại học Kinh tế Quốc dân

Website: <http://www.ttdichvu.neu.edu.vn/>

Gồm các bộ phận có chức năng nhiệm vụ sau:

- (1) Quản lý khu Nội trú ký túc xá sinh viên (*Địa chỉ: P114 - Nhà 11; ĐTNB: 5214*);
 - (2) Quản lý Nhà ăn và Cantin;
 - (3) Quản lý và thực hiện dịch vụ trông giữ xe máy, xe đạp;
 - (4) Quản lý và thực hiện dịch vụ in ấn; Dịch vụ photocopy, internet, văn phòng phẩm;
 - (5) Quản lý và phát triển các dịch vụ tổ chức sự kiện;
 - (6) Hệ thống siêu thị thực hành nghề nghiệp.
- (*Địa chỉ: Văn phòng Trung tâm - Phòng 112 - Nhà 1; ĐTNB: 5212*)

11. VĂN PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Văn phòng:

+ *Phòng 6, Nhà 9*

+ *Phòng 116, 117 Nhà 11*

- Điện thoại: **01678.88.99.66; ĐTNB: 5907**

- Website: ***www.youthneu.edu.vn***

- Facebook: ***www.facebook.com/DoantruongKTQD***

IV. CÁC CẤP VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG

1. Các cấp đào tạo: Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ.

2. Các hình thức đào tạo đại học:

- Đại học chính quy;
- Đại học vừa làm vừa học (*hệ Tại chức cũ*);
- Đào tạo lấy bằng đại học thứ hai (*hệ đại học Văn bằng 2*);
- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học;
- Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học.
- Liên kết đào tạo quốc tế.
- Đại học từ xa

PHẦN II

CÁC VĂN BẢN VỀ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

A. QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA 16 CHUYÊN NGÀNH VÀ QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH, CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA 16 CHUYÊN NGÀNH

Căn cứ vào quyết định số 78/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/01/2014 của Hiệu trưởng Đại học Kinh tế Quốc dân về việc ban hành chuẩn đầu ra 16 chuyên ngành của Đại học Kinh tế Quốc dân.

Cụ thể về chuẩn đầu ra chuyên ngành đề nghị truy cập vào đường Link dưới đây để biết chi tiết:

<http://www.neu.edu.vn/ViewBaCongKhai.aspx?ID=97>

II. QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

(Trích Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD V/v ban hành quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân ngày 21/5/2013)

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

(1) Văn bản này quy định về ngoại ngữ thứ nhất, ngoại ngữ thứ hai; tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ ngoại ngữ của sinh viên; tổ chức lớp học phần ngoại ngữ; điều kiện miễn học, miễn thi và kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp đối với sinh viên thuộc các ngành không chuyên ngữ thuộc hệ đại học chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

(2) Đối với các sinh viên thuộc các lớp chương trình tiên tiến,

chương trình chất lượng cao, chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp (POHE); chương trình Quản trị kinh doanh bằng tiếng Anh (E-BBA), nhà trường ban hành quy định riêng để bảo đảm đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ của từng chương trình.

2. Ngoại ngữ thứ nhất và ngoại ngữ thứ hai

a) Ngoại ngữ thứ nhất (NNTN) được đào tạo tại trường Đại học Kinh tế quốc dân là một trong 3 ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung. NNTN là môn học bắt buộc đối với sinh viên các ngành đào tạo không chuyên ngoại ngữ, nhằm trang bị cho sinh viên vốn ngoại ngữ cần thiết để có thể đọc tài liệu; và/hoặc tham gia học một số các học phần được giảng dạy hoàn toàn bằng ngoại ngữ.

b) Ngoại ngữ thứ hai (NNTH) là tiếng Pháp, tiếng Trung hoặc một ngoại ngữ khác. NNTH là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

c) Ngoài những ngoại ngữ được quy định ở Khoản 1 điều này, Lưu học sinh có thể lựa chọn tiếng Việt làm NNTN.

3. Tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ

(1) Sau khi sinh viên nhập học, Phòng Quản lý đào tạo (QLĐT) chủ trì, phối hợp với Khoa Ngoại ngữ Kinh tế (NNKT) tổ chức kiểm tra trình độ Tiếng Anh của đối với sinh viên đăng ký NNTN là Tiếng Anh.

(2) Kết quả kiểm tra trình độ được sử dụng làm căn cứ để Trường phân loại, bố trí lớp học và chương trình học ngoại ngữ. Những sinh viên sau không phải dự kiểm tra:

a) Sinh viên có điểm thi Tiếng Anh trong kỳ thi đại học. Điểm thi đại học môn Tiếng Anh được sử dụng làm cơ sở để đánh giá phân loại trình độ ngoại ngữ;

b) Sinh viên đã có các chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế nêu trong Bảng 1 – Phụ lục 1 còn hiệu lực hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương khác còn hiệu lực;

c) Sinh viên đã đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi Tiếng Anh bậc Trung học Phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng ba năm cho đến thời điểm nhập học;

d) Sinh viên có bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh.

(3) Sinh viên sau khi kiểm tra trình độ Tiếng Anh được phân loại thành hai nhóm:

Nhóm 1: Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ Tiếng Anh đạt từ 50 điểm trở lên (thang điểm 100, điểm 50 trở lên tương đương Cấp độ A2 theo Khung Tham chiếu Châu Âu).

Nhóm 2: Sinh viên có kết quả kiểm tra dưới 50 điểm và những sinh viên không đăng ký dự kiểm tra sẽ phải tự tích lũy bổ sung kiến thức để đạt được tương đương Cấp độ A2; Những sinh viên thuộc Nhóm 2 không được đăng ký học phần Tiếng Anh trong chương trình đào tạo và phải kiểm tra trình độ Tiếng Anh vào đợt tiếp theo.

(4) Các sinh viên lựa chọn NNTN là Tiếng Pháp hoặc Tiếng Trung không phải tham gia kiểm tra trình độ để tổ chức lớp học phần.

(5) Trước khi tốt nghiệp, Trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên theo chuẩn đầu ra ngoại ngữ của trường Đại học Kinh tế quốc dân (tương đương Cấp độ B1 theo Khung Tham chiếu Châu Âu đối với Tiếng Anh, tương đương Cấp độ A2 theo Khung Tham chiếu Châu Âu đối với Tiếng Pháp, Tiếng Trung).

4. Tổ chức lớp học phần ngoại ngữ

- (1) Căn cứ vào kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh, các sinh viên thuộc nhóm 1 sẽ được xếp vào các lớp học phần theo 2 trình độ:
 - Cấp độ 1: những sinh viên có điểm kiểm tra từ 50 đến dưới 70 điểm (thang điểm 100); sinh viên thuộc đối tượng quy định tại Mục a, Khoản 2, Điều 3 và có điểm thi ĐH môn tiếng Anh dưới 4 điểm.
 - Cấp độ 2: những sinh viên có điểm kiểm tra từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); sinh viên thuộc đối tượng quy định tại Mục a, Khoản 1, Điều 3 và có điểm thi ĐH môn tiếng Anh từ 4 điểm trở lên; sinh viên thuộc đối tượng quy định tại Mục b,c,d, Khoản 2, Điều 3.
- (2) Việc tổ chức các lớp học phần nhằm mục đích tạo thuận lợi cho người học ở trình độ thấp hơn nhanh chóng bắt kịp với lộ trình học tập hướng tới chuẩn đầu ra. Do đó, việc phân lớp theo 2 trình độ chỉ áp dụng đối với Học phần 1. Từ Học phần 2 trở đi, các sinh viên sẽ học theo cùng một trình độ.
- (3) Đối với các lớp học phần Tiếng Pháp hoặc Tiếng Trung: Nhà trường chỉ tổ chức lớp theo 1 trình độ.

5. Miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ

- (1) Sinh viên có một trong các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế được quy đổi về các mức khác nhau để Nhà trường xem xét miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm (xem chi tiết tại Bảng 1)
Sinh viên có bằng Cử nhân Tiếng Anh được coi như có trình độ Tiếng Anh ở mức 5.
- (2) Nhà trường xem xét miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm cho sinh viên có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế còn hiệu lực

(tính đến tháng mà sinh viên nộp đơn đề nghị miễn học, miễn thi) và sinh viên có bằng Cử nhân tiếng Anh theo các mức như sau:

Bảng Điểm quy đổi khi xét miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh

Mức	IELTS (hoặc tương đương)	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3
1-2	≤ 4,0	Không được miễn	Không được miễn	Không được miễn
3A	4.5	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 8 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 7 điểm	Không được miễn
3B	5,0	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 9 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 9 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 8 điểm
4A	5,5 -6,0	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 9 điểm
4B,5,6	Từ 6,5 trở lên	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm

- (1) Sinh viên nếu có các chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Pháp, Tiếng Trung theo Khung Tham chiếu Châu Âu còn hiệu lực có thể được miễn học, miễn thi và chuyển điểm sang học phần Ngoại ngữ tương ứng (Xem chi tiết tại Bảng 3). Phòng QLĐT phối hợp với Khoa NNKT xem xét từng trường hợp cụ thể và báo cáo Hiệu trưởng quyết định.
- (2) Sinh viên chỉ được chuyển điểm theo quy định tại Khoản 1 điều này sau khi có quyết định của Hiệu trưởng về việc miễn học, miễn thi của từng sinh viên cụ thể.

- (3) Kết quả điểm của các học phần Tiếng Anh sinh viên đã học và thi trước thời điểm ra quyết định miễn học, miễn thi chỉ được thay đổi nếu sinh viên có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế còn hiệu lực tương đương từ mức 3A trở lên (theo bảng qui đổi tại Khoản 2 điều này).
- (4) Việc miễn học, miễn thi học phần không áp dụng cho các học phần Tiếng Anh Chuyên ngành (nếu có).
- (5) Những sinh viên được miễn học phải hoàn thành nghĩa vụ học phí đầy đủ như các sinh viên không được miễn học.
- (6) Những sinh viên được miễn học và miễn thi phải hoàn thành nghĩa vụ lệ phí bảo lưu và chuyển điểm.

Bảng 1: BẢNG QUI ĐỔI KẾT QUẢ CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ

Bậc	Khung Tham chiếu Châu Âu	Các bài thi TA Cơ bản của Cambridge (điểm*/100)	Các bài thi TA Chuyên ngành của Cambridge			Các bài thi TA hướng nghiệp		Các bài thi TA Học thuật			
			BEC (điểm*/100)	ICFE (điểm*/100)	ILCE (điểm*/100)	BULATS (điểm*/100)	TOEIC (điểm*/990)	IELTS (điểm*/9)	TOEFL PBT (điểm*/677)	TOEFL iBT (điểm*/120)	TOEFL CBT (điểm*/300)
6	C2	CPE (60) CAE (80)	Higher (80)	90	90	90	911	8.5	650	113	271
5	C1	CPE (45) CAE (60) FCE (80)	Higher (60) Vantage (80)	70	70	75	701	7.5	550	92	231
4	B2	CAE (45) FCE (60) PET (90)	Vantage (60)	50	50	60	541	5.5	500	61	173
3	B1	FCE (45) PET (70)	Vantage (45) Preliminary (65)			40	450	4.5	450	45	133
2	A2	PET (45) KET (80)	Preliminary (40)			39	381	3.5	401	43	126
1	A1					20	246	3.0	345	32	96

* Điểm tối thiểu cần đạt được

Chuẩn đầu ra Tiếng Anh của ĐH KTQD

KET: Key English Test

PET: Preliminary English Test

FCE: First Certificate in English

CAE: Certificate in Advanced English

CPE: Certificate of Proficiency in English

BEC: Business English Certificate

ICFE: International Certificate in Financial English

ILCE: International Legal English Certificate

BULATS: Business Language Testing Service

TOEIC: Test of English for International Communication

IELTS: International English

Language Testing Service

TOEFL: Test of English as

a Foreign Language

Bảng 2: BẢNG QUI ĐỔI CHI TIẾT ĐỂ XÉT MIỄN HỌC MIỄN THI

Bậc	Khung Tham chiếu Châu Âu	Các bài thi TA Cơ bản của Cambridge (điểm*/100)	Các bài thi TA Chuyên ngành của Cambridge			Các bài thi TA hướng nghiệp		Các bài thi TA Học thuật				Điểm qui đổi cho các học phần		
			BEC (điểm*/100)	ICFE (điểm*/100)	ILCE (điểm*/100)	BULATS (điểm*/100)	TOEIC (điểm*/990)	IELTS (điểm*/9)	TOEFL PBT (điểm*/677)	TOEFL iBT (điểm*/120)	TOEFL CBT (điểm*/300)	HP 1	HP 2	HP 3
6	C2	CPE (60) CAE (80)	Higher (80)	90	90	90	911	8.5	650	113	271	10	10	10
5	C1	CPE (45) CAE (60) FCE (80)	Higher (60) Vantage (80)	70	70	75	701	7.5	550	92	231	10	10	10
4B	B2	CAE (55) FCE (70) PET (96)	Vantage (70)	50	50	70	591	6.5-7.0	530	71	195	10	10	10
4A		CAE (45) FCE (60) PET (90)	Vantage (60)	50	50	60	541	5.5-6.0	500	61	173	10	10	9
3B	B1	FCE (51) PET (80)	Vantage (55) Preliminary (80)			50	490	5.0	480	55	155	9	9	8
3A		FCE (45) PET (70)	Vantage (45) Preliminary (65)			40	450	4.5	450	45	133	8	7	Không áp dụng
2	A2	PET (45) KET (80)	Preliminary (40)			39	381	3.5	401 - 425	43 - 50	126 - 160	Không áp dụng		
1	A1					20	246	3.0	344 - 400	32 - 42	96 - 125			

* Điểm tối thiểu cần đạt được

KET: Key English Test

PET: Preliminary English Test

FCE: First Certificate in English

CAE: Certificate in Advanced English

BEC: Business English Certificate

ICFE: International Certificate in Financial English

ILCE: International Legal English Certificate

BULATS: Business Language Testing Service

CPE: Certificate of Proficiency in English

IELTS: International English Language Testing Service

TOEFL: Test of English as a Foreign Language

TOEIC: Test of English for International Communication

Bảng 3: Ref - sources

IELTS	TOEFL Paper	TOEFL Computer	TOEFL Internet	TOEIC*	Cambridge ESOL
7.5	625	263	113	790	CPE - C
7	600	250	100	780	
6.5	575	232	90	720	CAE - C
6	550	213	80	670	
5.5	525	196	70	620	FCE - C
5	500	173	60	600	

<http://www.wittenborg.eu/english-proficiency-tests.htm>

CEF Level	Cambridge ESOL	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC	Michigan	BULATS	PTE General	PTE Academic
C2	<u>CPE</u>	9			<u>ECPE</u>		level 5	85+
		8				90		
C1	<u>CAE, BEC Higher</u>	7.5	110-120	880			level 4	76-84
		6.5				75		
B2	<u>FCE, BEC Vantage</u>	6	87-109		<u>ECCE</u>		level 3	59-75
		5						
B1	<u>PET, BEC Prelim</u>	4.5	57-86	550			level 2	43-58
		4				40		
A2	<u>KET</u>						level 1	30-42
						20		

<http://www.examenglish.com/examscomparison.php>

TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL CBT	TOEFL IBT	IELTS	Cambridge Exam	CEFR	VEC Online Score	Approximate VEC Level
0 - 250	0 - 310	0 - 30	0 - 8	0 - 1.0			0 - 34	<u>2</u>
	310 - 343	33 - 60	18-Sep	1.0 - 1.5		A1	35 - 38	<u>3</u>
255 - 400	347 - 393	63 - 90	19 - 29	2.0 - 2.5		A1	39 - 45	<u>4--5</u>
	397 - 433	93 - 120	30 - 40	3.0 - 3.5	KET (IELTS 3.0)	A2	46 - 53	<u>6--7</u>
					PET (IELTS 3.5)	B1 (IELTS 3.5)		
405 - 600	437 - 473	123 - 150	41 - 52	4	PET	B1	54 - 57	<u>8</u>
	477 - 510	153 - 180	53 - 64	4.5 - 5.0	PET (IELTS 4.5)	B1 (IELTS 4.5)	58 - 65	<u>9--10</u>
605 - 780	513 - 547	183 - 210	65 - 78	5.5 - 6.0	FCE	B2	66 - 73	<u>11--12</u>
	550 - 587	213 - 240	79 - 95	6.5 - 7.0	CAE	C1	74 - 81	<u>13 - 14</u>
785 - 990	590 - 677	243 - 300	96 - 120	7.5 - 9.0	CPE	C2	82 - 100	<u>15</u>
Top Score	Top Score	Top Score	Top Score	Top Score	Top Score	Top Level	Top Score	Top Level
990	677	300	120	9	100	C2	100	15

<http://secure.vec.bc.ca/toefl-equivalency-table.cfm>

Level	CEFR	Cambridge	IELTS	TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL IBT	TOEFL CBT	BULATS
Proficiency	C2 Mastery	CPE	8.5-9.0	911 - 990	651 - 677	113 - 120	271 - 300	90 - 100
Advanced		CAE, BEC Higher	7.5-8.0	701 - 910	551 - 650	92 - 112	231 - 270	75 - 89
Upper Intermediate	Operational Proficiency	FCE, BEC Vantage	6.0-7.0	541 - 700	476 - 550	62 - 91	176 - 230	60 - 74
	B2							

Level	CEFR	Cambridge	IELTS	TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL IBT	TOEFL CBT	BULATS
Intermediate	Vantage B1	PET, BEC Prelim	4.5 - 5.5	451 - 540	426 - 475	51 - 61	161 - 175	50 - 59
Pre-Intermediate	Threshold A2	PET, BEC Prelim	3.5 - 4	381 - 450	401 - 425	43 - 50	126 - 160	40 - 49
Elementary	Waystage A1	KET, YLE Flyers	3	246 - 380	344 - 400	32 - 42	96 - 125	20 - 39
Beginner	Breakthrough	YLE Movers	1.0-2.5	0 - 246	0 - 343	0 - 31	0 - 95	0 - 19

<http://www.british-study.com/adults/english-language-courses/exam-preparation/>

6. Kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp

- (1) Nhà trường giao cho Phòng QLĐT chủ trì phối hợp với Khoa NNKT tổ chức kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ hai lần một năm: lần 1 vào tháng 4 hoặc tháng 5 dành cho sinh viên dự kiến sẽ đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp vào đợt tháng 6, tháng 7; lần 2 vào tháng 10 hoặc tháng 11 dành cho sinh viên dự kiến sẽ đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp vào đợt tháng 12 hoặc tháng 3 năm sau.
- (2) Đề thi kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ tuân thủ theo Phụ lục về dạng thức đề thi ngoại ngữ của Khung Tham chiếu Châu Âu được ban hành kèm theo *Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Xem chi tiết tại Bảng 2).
- (3) Sinh viên đạt từ 50 điểm trở lên (thang điểm 100) và điểm mỗi phần thi không dưới 30% trong kỳ kiểm tra chuẩn đầu ra được coi là đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ.
- (4) Kết quả kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ có hiệu lực để xét đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong vòng 24 tháng.
- (5) Những sinh viên có một trong các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế còn hiệu lực (tính đến đợt xét tốt nghiệp) với kết quả hoặc trình độ tương đương hoặc cao hơn so với chuẩn đầu ra được miễn kiểm tra chuẩn đầu ra Tiếng Anh trước khi tốt nghiệp. (Chi tiết xem tại Bảng 1).
- (6) Các trường hợp đặc biệt khác cho Hiệu trưởng quyết định.

7. Quy trình thủ tục xin miễn thi, miễn học

- (1) Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học, miễn thi nộp đơn theo mẫu (phụ lục đính kèm) cho Phòng QLĐT 04 tuần

trước khi học kỳ bắt đầu (Thời gian cụ thể theo thông báo của Phòng QLĐT). Đơn kèm theo bản sao có công chứng các chứng chỉ Tiếng Anh. Khi nộp đơn, sinh viên cần xuất trình bản gốc để kiểm tra, đối chiếu.

- (2) Phòng QLĐT phối hợp với Khoa NNKT kiểm tra và báo cáo Hiệu trưởng ra quyết định công nhận việc miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho sinh viên trước khi kết thúc tuần thứ 1 của học kỳ.

III. CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHKTQĐ V/v ban hành chuẩn đầu ra về tin học trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân ngày 10/01/2014)

1. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Áp dụng đối với sinh viên hệ đại học chính quy thuộc các ngành đào tạo (trừ ngành Hệ thống thông tin quản lý và ngành Khoa học máy tính), đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

2. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Yêu cầu về kiến thức

2.1.1. Phần cứng

Cử nhân tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế quốc dân có kiến thức cơ bản về:

- Nguyên lý cấu tạo/hoạt động, chức năng của các bộ phận/thiết bị phần cứng của các loại máy tính như: Bảng mạch chủ, Bộ vi xử lý, Bộ nhớ trong, Hệ thống làm mát, Nguồn cung cấp, Hệ thống đĩa lưu trữ dữ liệu, ...;

- Chức năng của các thiết bị vào – ra sau đây:
- + Các thiết bị vào - ra chuẩn: bàn phím, con chuột, màn hình;
- + Các thiết bị vào - ra khác: máy ảnh/quay phim kỹ thuật số, máy quét ảnh, đầu đọc mã vạch, loa, micro, máy in, máy chiếu,...

2.1.2. Phần mềm

a. Hệ điều hành máy tính

Cử nhân tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế quốc dân có kiến thức cơ bản về hệ điều hành và giải thích được các chức năng chính của hệ điều hành; sử dụng được các tính năng cơ bản của một hệ điều hành thông dụng để có thể vận hành, điều khiển được máy tính: quản lý và sử dụng được các tài nguyên phần cứng, phần mềm, dữ liệu của máy tính. Hệ điều hành có thể là Windows/Linux.

b. Phần mềm ứng dụng trong văn phòng

Cử nhân tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế quốc dân có kiến thức cơ bản để: (1) hiểu rõ cách thức sử dụng các chức năng cơ bản của một phần mềm xử lý văn bản như: tạo mới/mở/lưu trữ/đóng văn bản, soạn thảo nội dung, định dạng, in ấn văn bản, phần mềm gõ Tiếng Việt; (2) hiểu rõ cách thức sử dụng các chức năng cơ bản của một phần mềm bảng tính điện tử như: tạo mới/mở trang tính, nhập dữ liệu, định dạng, xử lý dữ liệu, sử dụng các hàm thông dụng, vẽ biểu đồ trên trang tính, in ấn trang tính; (3) sử dụng các tính năng cơ bản của một phần mềm trình chiếu, ví dụ: tạo mới/mở slide, soạn thảo và định dạng slide, trình chiếu, in ấn.

Ghi chú: Phần mềm văn phòng có thể là Microsoft Office/Libre Office/Open Office.

c. Internet

Cử nhân tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế quốc dân có đủ kiến thức để:

- Hiểu rõ chức năng của một số thiết bị phần cứng phục vụ nối mạng;
- Thực hiện các thao tác/thủ tục để có thể kết nối máy tính vào internet;
- Sử dụng được các tính năng cơ bản của một trình duyệt internet thông dụng;
- Sử dụng các công cụ tìm kiếm, ví dụ như: google, yahoo;
- Sử dụng thư điện tử;
- Hiểu được về an toàn thông tin như: các khái niệm về an toàn thông tin, các nguy cơ mất an toàn thông tin, phương pháp đảm bảo an toàn thông tin (quy tắc sử dụng thông tin, phần mềm phòng chống virus, ..).

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

Cử nhân tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế quốc dân:

- Có khả năng sử dụng, tổ chức dữ liệu và bảo vệ an toàn máy tính cá nhân cũng như thành thạo trong việc kết nối mạng máy tính, mạng Internet, sử dụng trình duyệt web và các công cụ tìm kiếm thông tin trên Internet để hỗ trợ học tập và sinh hoạt của cá nhân;
- Có khả năng soạn thảo được các văn bản theo các mẫu quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
- Có khả năng sử dụng bảng tính điện tử để lập được các bảng biểu, vẽ được các đồ thị, phân tích dữ liệu và lập báo cáo;
- Tạo được những tệp trình chiếu có tính chuyên nghiệp và hấp dẫn.

2.3. Khả năng học tập và nâng cao trình độ

Cử nhân tốt nghiệp Trường Đại học kinh tế quốc dân có nền tảng kiến thức để có thể theo học hoặc tự học nâng cao trình độ về:

- Sử dụng các chức năng cơ bản của các phần mềm chuyên biệt trong công việc chuyên môn như: Phần mềm quản lý dự án; Phần mềm hỗ trợ làm việc nhóm; Phần mềm kế toán máy; Phần mềm xử lý đồ họa; Phần mềm ERP;

- Lập trình ứng dụng quản lý, website;

- Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

B. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

I. CÁC LOẠI HỌC PHẦN

(Trích khoản 3 điều 3 chương 1 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

a) Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của Chương trình đào tạo đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo mà tất cả mọi sinh viên thuộc ngành hay chuyên ngành đào tạo đó đều phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn: là phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết được sinh viên tự chọn trên cơ sở (1) tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn; hoặc (2) tự chọn tùy ý (trong những học phần Trường thông báo giảng dạy trong học kỳ) nhằm tích lũy đủ số học phần quy định của mỗi chương trình. Có hai loại học phần tự chọn:

- Học phần tự chọn bắt buộc: là học phần chứa đựng những mảng nội dung chính yếu của Chương trình đào tạo đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo, mà sinh viên bắt buộc phải chọn một

số lượng xác định trong số nhiều học phần tương đương được quy định cho ngành đó;

- Học phần tự chọn tùy ý: là học phần sinh viên có thể tự do đăng ký học hay không tùy theo nguyện vọng; kết quả của học phần tự chọn tùy ý không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học và điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên. Sinh viên có nhu cầu được cấp chứng nhận hoàn thành học phần. Sinh viên phải nộp học phí và lệ phí theo quy định.

c) Học phần tiên quyết: học phần A là học phần tiên quyết của học phần B khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A;

d) Học phần tương đương và học phần thay thế:

- Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một ngành khác đang đào tạo tại trường, được phép tích lũy để thay cho một hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành. Học phần tương đương phải có nội dung giống ít nhất 80% và có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn so với học phần xem xét;

- Học phần thay thế được sử dụng thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên đã thi không đạt kết quả (bị điểm F).

Các học phần tương đương hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do Trường Khoa, Viện trưởng đề xuất và là các học phần bổ sung cho chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện. Học phần tương đương hoặc thay thế được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.

1. Đăng ký khối lượng học tập và rút bớt học phần đã đăng ký

(Theo điều 10, chương 2 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Khối lượng học tập mà sinh viên phải đăng ký quy định như sau:

- a) Học kỳ 1 và học kỳ 2: Tối thiểu 12 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ;
- b) Học kỳ hè: Tối đa: 10 tín chỉ; không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ 2.

(2) Khối lượng học tập tối thiểu từng học kỳ không áp dụng đối với một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng số tín chỉ chưa tích lũy ít hơn khối lượng học tập tối thiểu;
- b) Không có lớp học phần mà sinh viên muốn đăng ký học.

(3) Thời gian đăng ký: Trường tổ chức cho sinh viên đăng ký học muộn nhất 3 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ.

(4) Phương thức đăng ký

a) Đăng ký mặc định:

Phương thức đăng ký, căn cứ vào kế hoạch dự kiến trong chương trình đào tạo, đơn vị quản lý đào tạo đăng ký mặc định một hoặc một số học phần bắt buộc cho sinh viên; sinh viên có trách nhiệm vào tài khoản cá nhân để kiểm tra và tự điều chỉnh đăng ký trong tuần đầu theo lịch đăng ký tín chỉ đã được thông báo trên mạng quản lý đào tạo.

Căn cứ vào điều kiện giảng viên, giảng đường mỗi học kỳ, Nhà trường ưu tiên đăng ký học cho sinh viên cùng lớp sinh viên học cùng lớp học phần đối với các học phần bắt buộc.

b) Sinh viên tự đăng ký

Sinh viên dùng tài khoản cá nhân của mình để tự đăng ký các học phần qua mạng Internet; hoặc đăng ký bằng phiếu; hoặc kết hợp hai

hình thức này. Sinh viên phải thực hiện đúng lịch đăng ký học tập các học phần theo quy định của Trường đối với từng đối tượng cụ thể.

(5) Căn cứ vào điều kiện cụ thể từng học kỳ, từng học phần, Nhà trường sẽ thông báo phương thức và hình thức đăng ký các học phần trước mỗi đợt đăng ký.

(6) Rút bớt học phần đã đăng ký

Trong vòng 2 tuần kể từ ngày bắt đầu học kỳ, sinh viên được phép rút bớt học phần nếu đảm bảo về số tín chỉ tối thiểu và quy mô lớp (quy định tại khoản 2 Điều 9 của văn bản này). Những học phần này không bị tính học phí.

Sau thời hạn trên, nếu sinh viên có nhu cầu rút bớt học phần đã đăng ký, phải viết đơn xin rút học phần (có mẫu kèm theo), có ý kiến của cố vấn học tập và nộp về phòng Quản lý đào tạo. Những học phần này bị tính 100% học phí của học phần.

Trong trường hợp sinh viên có quyết định nghỉ học tạm thời dài hạn, Nhà trường sẽ hủy toàn bộ kết quả đăng ký học trong học kỳ đó.

Trong tất cả trường hợp còn lại, nếu sinh viên không lên lớp học tập, Trường coi như sinh viên tự ý bỏ học; trong trường hợp này, sinh viên vẫn bị tính học phí và nhận điểm 0 (không) của học phần.

(7) Trường hợp sinh viên không đăng ký đủ khối lượng học tập tối thiểu nếu không có lý do chính đáng, Nhà trường sẽ cảnh báo sinh viên và buộc sinh viên tạm dừng học tập nếu thấy cần thiết.

1.1. QUY TRÌNH QUẢN LÝ TÀI KHOẢN (*account*)

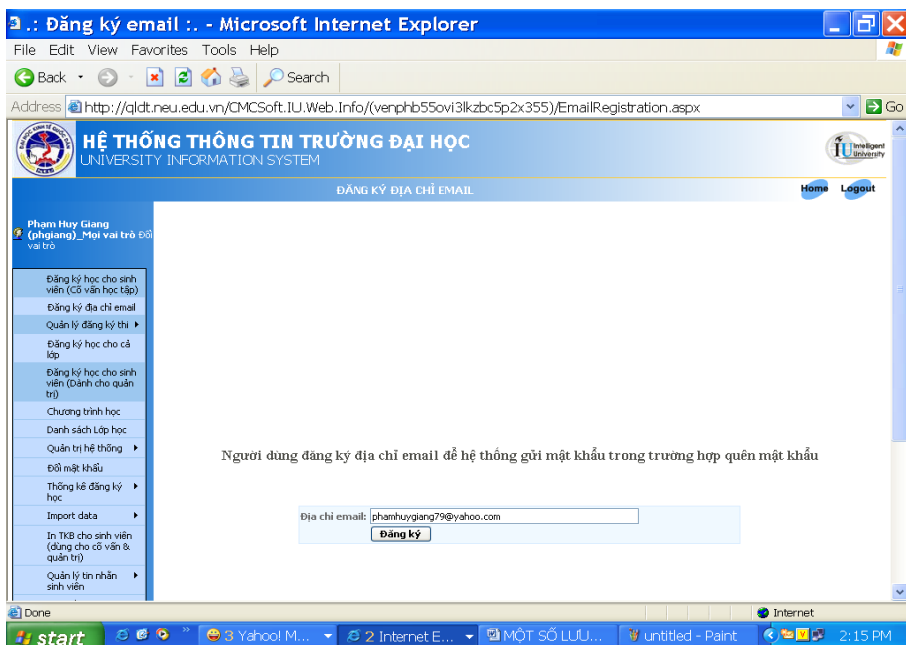
Mỗi sinh viên khi nhập học, được cấp 01 tài khoản. Tài khoản sinh viên liên quan trực tiếp đến quá trình đăng ký học, số học phí phải đóng, điểm thi, số tín chỉ sinh viên tích lũy. Do đó, sinh viên cần quản lý tốt tài khoản và mật khẩu của mình.

Cách thực hiện như sau:

(1) Khi đặt hay đổi mật khẩu, cần tắt bộ gõ tiếng Việt (*Vietkey* hoặc *Unikey*).

(2) Nên đặt mật khẩu chỉ gồm các con số (*giống như mật khẩu của thẻ ATM ngân hàng*).

(3) Sau khi đặt xong mật khẩu, cần khai báo địa chỉ email ở mục ***Đăng ký địa chỉ email***, để sau này, nếu có quên mật khẩu thì vào mục ***Quên mật khẩu***, nhập ***Mã sinh viên*** và ***Địa chỉ e-mail***, hệ thống sẽ trả mật khẩu về địa chỉ email đã khai báo.



Từ màn hình đăng ký địa chỉ e-mail, chọn chức năng ***Đăng ký địa chỉ email*** ở bên trái màn hình.

(4) Ghi lại mật khẩu và địa chỉ email vào 1 quyển sổ.

(5) Thường xuyên đăng nhập vào hệ thống QLĐT (ít nhất 1 lần / 1 tuần).

(6) Tuyệt đối không cho người khác biết mật khẩu của mình.

Lưu ý: Rất nhiều sinh viên nhờ bạn đăng ký hộ tín chỉ, sau đó cũng không biết bạn đổi mật khẩu của mình như thế nào. Những trường hợp này, sinh viên đó sẽ bị kỷ luật hạ hạnh kiểm.

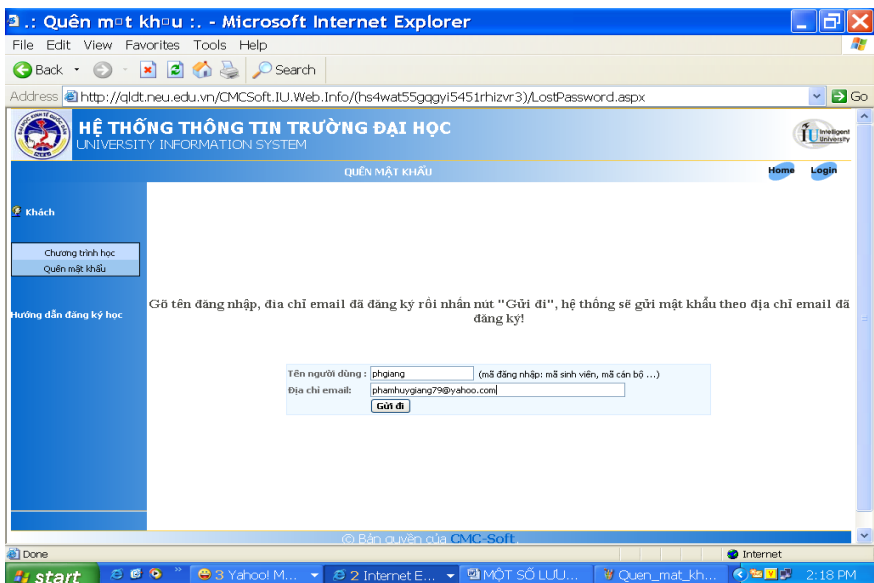
- Khi sinh viên quên mật khẩu:

+ Nhấn chuột vào mục **Quên mật khẩu** trên menu chương trình;

+ Nhập **Mã sinh viên** ở phần **Tên người dùng** và **Địa chỉ e-mail** đã khai báo.

+ Ấn nút **Gửi đi**.

Mật khẩu sẽ được gửi về địa chỉ e-mail sinh viên đã đăng ký với chương trình. Sinh viên vào địa chỉ e-mail đó để xem lại mật khẩu.



1.2. QUY TRÌNH CẤP LẠI MẬT KHẨU CHO TÀI KHOẢN SINH VIÊN TRÊN HỆ THỐNG MẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Gồm các bước sau:

(1) Sinh viên làm **Đơn xin cấp lại mật khẩu** (theo Mẫu đơn dưới đây hoặc có thể download tại địa chỉ: <http://khaothi-dbclgd.neu.edu.vn/ViewVanBan.aspx?ID=46>), đến văn phòng Khoa/ Viện xin xác nhận của Trợ lý.

(2) Sinh viên mang đơn đã có xác nhận của Trợ lý Khoa/Viện, đến Phòng QLĐT (*Phòng 1.2 - Nhà 10*), kèm theo **thẻ sinh viên**, nộp cho chuyên viên phụ trách để xin cấp lại mật khẩu.

(3) Sau khi nhận đơn, Phòng QLĐT sẽ đổi mật khẩu của sinh viên thành mã sinh viên. Thời gian xử lý có thể trong 1 - 2 ngày, tùy theo số lượng đơn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP LẠI MẬT KHẨU **TÀI KHOẢN SINH VIÊN**

Kính gửi: Phòng Quản lý đào tạo

Tên em là.....

Mã SV:

Lớp chuyên ngành:

Lý do mất mật khẩu:.....

Em xin chân thành cảm ơn.

Xác nhận của Khoa QLSV

Người làm đơn

1.3. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Gồm các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống. Gồm các bước như sau:

(1) Vào trang web của trường qua địa chỉ: <http://www.neu.edu.vn>

(2) Chọn chức năng: **QL Đào tạo** (giữa các chức năng **NEU Portal** và **Hộp thư**) để vào Hệ thống Quản lý Đào tạo.

(3) Chọn chức năng **Login** (cạnh chức năng **Home** ở góc trên bên phải màn hình). Màn hình đăng nhập hiện ra để sinh viên nhập tài khoản.

Tài khoản gồm: tên người dùng: nhập mã sinh viên

mật khẩu: ban đầu là mã sinh viên, sau đó sinh viên có thể tự ý thay đổi.

(Chú ý: sinh viên có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản, tránh tình trạng thất lạc mật khẩu. Rất nhiều trường hợp sinh viên không đăng nhập được do mất mật khẩu).

Sau khi đăng nhập thành công, màn hình hệ thống như sau:

The screenshot shows the 'HỆ THỐNG THÔNG TIN TRƯỜNG ĐẠI HỌC' (UNIVERSITY INFORMATION SYSTEM) homepage. The user is logged in as 'Nguyễn Minh Hằng (0481234) - Sinh viên'. The page features a navigation menu on the left with options like 'Đăng ký học', 'Xem lịch thi cá nhân', and 'Trình bày'. The main content area displays 'Bạn đã đăng ký 36 tín chỉ' and lists several notices and announcements, including course schedules and exam dates for the 2007-2008 academic year.

Bước 2: Đăng ký môn học. Gồm các bước sau:

(1) Chọn chức năng: **Đăng ký học** (ở bên trái màn hình).

(2) Nháy chuột vào ô danh sách ở bên cạnh dòng: **Chọn học phần để hiển thị các lớp học**. Sau đó chọn môn học trong danh sách đó, ấn nút **Hiển thị lớp học phần** để xem danh sách các lớp học phần ứng với môn học đó.

(3) Đăng ký vào 1 lớp học phần: nháy chuột vào ô dưới cột **Chọn**, sau đó bấm nút **Đăng ký**. Nếu không có lỗi gì xảy ra, hệ thống sẽ thông báo: “*Đăng ký thành công*”, và kết quả đăng ký sẽ được hiển thị ở bảng **Danh sách lớp học phần đã đăng ký** bên dưới (*Để đảm bảo đăng ký thành công, sinh viên phải sắp xếp thời khóa biểu các lớp học phần cho hợp lý về mặt thời gian*).

Chú ý:

(1) Trước khi đăng ký, sinh viên phải **nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo toàn khóa** và **xin ý kiến của cố vấn học tập** để quyết định lựa chọn môn học của học kỳ.

(2) Muốn xoá một lớp học phần đã đăng ký, tích vào ô ở dưới cột **Hủy**, ứng với dòng ghi lớp học phần muốn xoá trong bảng **Danh sách lớp học phần đã đăng ký**, rồi bấm nút **Hủy bỏ** bên dưới.

Cần tránh tình trạng, nhiều sinh viên đăng ký không đúng theo **kế hoạch học tập của Khoa/Bộ môn**, hoặc **đăng ký quá nhiều môn học**, sau đó sinh viên lại đến xin **Hủy** môn học, gây ra rất nhiều khó khăn cho giáo viên quản lý.

Thời gian sinh viên đăng ký: 01 tuần trên mạng (*thời gian cụ thể, Nhà trường sẽ thông báo*).

(3) Sau khi hết hạn đăng ký tín chỉ trực tuyến, sinh viên phải lưu lại Thời Khóa biểu đã đăng ký, In và xin chữ ký của CVHT.

2. HỌC LẠI

(Theo điều 11, chương 2 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học phần thay thế ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên

(2) Sinh viên có học phần tự chọn bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương hoặc học phần thay thế khác cho đến khi đạt điểm D trở lên.

(3) Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần đạt điểm D+ hoặc D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy như quy định tại khoản 5 của Điều này.

(4) Hình thức học lại

- Sinh viên đăng ký học lại trong các học kỳ tiếp theo như đăng ký học lần đầu.

- Ngoài ra, nếu sinh viên có nhu cầu và tùy theo điều kiện về giảng viên, giảng đường, Nhà trường tổ chức cho sinh viên học lại theo một trong hai hình thức: (1) Học lại theo lớp riêng; (2) Học lại theo lớp ghép.

(5) Học cải thiện điểm (học nâng điểm)

Khi đăng ký học để học cải thiện điểm, sinh viên được quyền bảo lưu điểm đánh giá của giảng viên, điểm kiểm tra học phần và được lấy điểm cao nhất trong các lần thi. Sinh viên phải nộp học phí của học phần theo quy định trong thông báo học phí hàng năm.

Sinh viên chỉ được học cải thiện điểm không quá 8 tín chỉ đối với học kỳ 1, học kỳ 2; không quá 5 tín chỉ đối với học kỳ hè. Sinh

viên đã hoàn thành chương trình đào tạo không được quyền học cải thiện điểm.

QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ HỌC CẢI THIỆN ĐIỂM/NÂNG ĐIỂM

a. Điều kiện:

- Những sinh viên có học phần đạt điểm D+ và D có thể đăng ký học để thi nâng điểm học phần nhằm cải thiện điểm TBCTL, và điểm tích lũy học phần là điểm cao nhất.

- Sinh viên chỉ được đăng ký học/thi nâng điểm tối đa không quá 8 tín chỉ/học kỳ, và được tính vào tổng số tín chỉ tối đa. Mỗi học phần chỉ được đăng ký học/thi nâng điểm không quá 01 lần.

b. Sinh viên tự đăng ký HỌC/THI nâng điểm qua mạng QLĐT (*theo lịch của Nhà trường*) theo quy trình sau:

- Đăng ký học nâng điểm. Sinh viên bấm nút "**Học nâng điểm**" sau đó bấm nút "**Đăng ký học**".

- Đăng ký THI nâng điểm (*học nâng điểm và bảo lưu kết quả điểm thành phần*): Sinh viên bấm nút "**Học nâng điểm**" sau đó bấm nút "**Đăng ký thi**".

Chú ý:

-Sau khi đăng ký học/thi nâng điểm, sinh viên sẽ không thể hủy đăng ký đó.

- Sinh viên lưu ý khi đăng ký HỌC/THI nâng điểm, phải chú ý mã môn học đăng ký HỌC/THI nâng điểm phải đúng với mã môn học đã đăng ký học lần đầu tiên. Nếu khác mã môn học thì sẽ không phải là đăng ký HỌC/THI nâng điểm mà là đăng ký học lần đầu với mã môn học đó.

3. NGHỈ HỌC TẠM THỜI

(Theo điều 12, chương 2 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

Nghỉ học tạm thời gồm hai hình thức:

(1) Nghỉ học tạm thời ngắn hạn

Sinh viên xin nghỉ học tạm thời một thời gian ngắn dưới 2 tuần do ốm đau trong quá trình học, phải viết đơn xin nghỉ học tạm thời ngắn hạn, trong đó có ghi rõ lớp học phần, tên giảng viên giảng dạy và gửi tới Trưởng Khoa, Viện trưởng Quản lý sinh viên trong tuần lễ đầu kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của Trạm y tế của Trường, của Bệnh viện cấp huyện trở lên hoặc Cơ quan y tế tương đương.

Trưởng Khoa, Viện trưởng Quản lý sinh viên thông báo kịp thời đến Trưởng Bộ môn để báo cho giảng viên giảng dạy các học phần biết.

Kết thúc nghỉ học tạm thời ngắn hạn, sinh viên phải gửi đơn xin tiếp tục học lại cho Trưởng Khoa, Viện trưởng quản lý sinh viên, báo cáo giảng viên giảng dạy và đi học theo thời khóa biểu.

(2) Nghỉ học tạm thời dài hạn

Sinh viên xin nghỉ học tạm thời dài hạn (thời gian từ 2 tuần trở lên) gửi đơn đề nghị nghỉ học và bảo lưu kết quả đã tích lũy đến Phòng Quản lý đào tạo (Đơn có xác nhận của Trưởng Khoa, Viện trưởng Quản lý sinh viên).

Phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng cho tạm dừng học tập đối với sinh viên trong các trường hợp sau đây:

a) Sinh viên được huy động vào lực lượng vũ trang;

b) Sinh viên bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài từ 2 tuần trở lên (Trường hợp này phải kèm theo giấy xác nhận của

Trạm y tế Trường hoặc của bệnh viện huyện trở lên hoặc cơ quan y tế tương đương);

c) Vì nhu cầu cá nhân

Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 15 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này;

d) Thu nhận lại

Sinh viên nghỉ học tạm thời dài hạn khi muốn trở lại học tiếp phải hoàn tất các thủ tục xin thu nhận lại theo đúng thời hạn ghi trong quyết định.

Hồ sơ xin thu nhận nộp tại Phòng Quản lý đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định thu nhận lại, ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Quá thời hạn ghi trong quyết định tạm dừng học, sinh viên không đến làm thủ tục xin học tiếp, Nhà trường sẽ xóa tên sinh viên trong danh sách khóa học.

Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng chỉ định một hội đồng để xem xét hồ sơ và làm thủ tục thu nhận.

Các loại đơn đề nghị phải theo mẫu quy định của Trường.

QUY TRÌNH XIN NGHỈ HỌC TẠM THỜI (BẢO LƯU)

a) Điều kiện:

- Để có thể thực hiện quy trình nghỉ học tạm thời, sinh viên phải có bảng điểm của tất cả các kỳ đã học cho đến thời điểm xin bảo lưu và đã hủy tất cả những môn đăng ký ở kỳ tiếp theo.

- Đã nộp học phí đầy đủ của tất cả những học phần đã đăng ký học.

**ĐƠN XIN
TẠM NGỪNG HỌC VÀ BẢO LƯU KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học

Tôi tên:..... **Mã số:**.....

Ngày sinh:..... Nơi sinh:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Hiện đang học lớp:..... Khóa:.....

Thuộc Khoa:.....

Hệ đào tạo..... tại Trường Đại học.....

Nay Tôi làm đơn này kính xin Hiệu trưởng Trường Đại học cho phép Tôi được nghỉ học kể từ ngày .../.../.....đến ngày .../.../..... và bảo lưu kết quả học kỳ:.....năm học: 20..... - 20.....

Gồm các học phần dưới đây:

STT	Học phần - Mã số	Số TC/ ĐVHT	Điểm BLưu	STT	Học phần - Mã số	Số TC/ ĐVHT	Điểm BLưu
1				6			
2				7			
3				8			
4				9			
5				10			

Lý do xin nghỉ học:

Kính mong được sự xem xét và chấp thuận của Hiệu trưởng./
....., ngày... tháng ... năm 20....

Ý KIẾN CỦA PHỤ HUYNH

Người làm đơn
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Ý KIẾN CỦA CỐ VẤN HỌC TẬP

Ý KIẾN CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO

b) Quy trình:

Bước 1: Sinh viên làm Đơn xin bảo lưu (theo Mẫu đơn trang bên hoặc có thể download tại địa chỉ: <http://khaothi-dbcldg.edu.vn/ViewVanBan.aspx?ID=107>);

Bước 2: Nộp Đơn xin bảo lưu lên Khoa/Viện quản lý sinh viên xác nhận và chuyển Đơn đó xuống Phòng Quản lý Đào tạo;

Bước 3: Phòng Quản lý Đào tạo xem xét và trình Hiệu trưởng ra Quyết định bảo lưu.

Thời gian ra Quyết định bảo lưu trong vòng 2 tuần (kể từ ngày nhận được Đơn xin bảo lưu hợp lệ của sinh viên)

4. Học cùng lúc hai chương trình

(Trích Điều 13, chương 2 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”, và “số 439/ĐHKTQD-QLĐT V/v hướng dẫn thực hiện học cùng lúc hai chương trình áp dụng từ khóa 54 ngày 18/4/2013”)

(1) Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ 2 để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

(2) Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải cùng nhóm ngành với ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ 1; hoặc đạt được số tín chỉ tối thiểu và điểm Trung bình chung tính từ đầu khóa học đạt từ 2.0 trở lên (tính theo thang điểm 4) như sau:

TT	Năm học	Số tín chỉ tối thiểu đã tích lũy
1	Sinh viên năm thứ nhất	12 tín chỉ
2	Sinh viên năm thứ hai	42 tín chỉ
3	Sinh viên năm thứ ba	72 tín chỉ
4	Sinh viên năm thứ tư	112 tín chỉ

c) Sinh viên đang học chương trình thứ 2, nếu có điểm trung bình chung xếp hạng yếu, phải dừng học chương trình thứ 2 ở học kỳ tiếp theo. Sinh viên chỉ được quay trở lại học chương trình thứ 2 nếu điểm trung bình chung tích lũy được cải thiện và đạt từ điểm 2,5 trở lên.

Nhà trường xét và ra quyết định tạm dừng học, quyết định cho học tiếp chương trình thứ 2 trên cơ sở đề nghị của sinh viên, có ý kiến cố vấn học tập và đơn vị quản lý sinh viên.

d) Sinh viên không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức cảnh cáo khoa và các tổ chức tương đương khoa trở lên.

(3) Quy trình, thời gian đăng ký học chương trình thứ 2 và đăng ký học phần

a) Thời gian đăng ký học chương trình thứ 2: Tháng 5 hàng năm, sau khi có kết quả học tập của học kỳ 1, hoặc kết quả học tập của năm học liền kề trước đó.

b) Sinh viên đăng ký học chương trình thứ 2 tại văn phòng khoa, viện quản lý sinh viên theo các bước sau đây:

- Nộp đơn đăng ký học chương trình thứ 2 và lệ phí đăng ký học tại văn phòng khoa, viện quản lý sinh viên trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.

- Trưởng Khoa, Viện trưởng Quản lý sinh viên lấy ý kiến của cố vấn học tập và phê duyệt trực tiếp vào đơn, lập danh sách sinh viên đủ điều kiện học và nộp về Phòng Quản lý đào tạo, trước ngày 10 tháng 6 hàng năm;

- Phòng Quản lý đào tạo tập hợp nhu cầu, báo cáo Hiệu trưởng quyết định, và thông báo đến các khoa, viện quản lý sinh viên trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

(4) Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa sinh viên được rút ngắn tối đa 1 năm học hoặc kéo dài tối đa 2 năm học. Khi học chương trình thứ 2, sinh viên được bảo lưu điểm và chuyển điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình thứ 1 và ngược lại.

(5) Học phí của các học phần trong chương trình thứ 2 như chương trình thứ 1. Nhà trường có thông báo mức học phí chương trình thứ 2 cho từng năm học. Sinh viên không được miễn giảm học phí chương trình thứ 2.

(6) Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ 2, sau khi đã được cấp bằng tốt nghiệp đại học ở chương trình thứ 1.

5. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

(Theo điều 14, chương 2 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
b) Sinh viên năm thứ hai:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
c) Sinh viên năm thứ ba:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
d) Sinh viên năm thứ tư:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ trở lên;

(2) Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm Trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên (tính theo thang điểm 4);

b) Hạng yếu: Nếu điểm Trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 (tính theo thang điểm 4), nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học; sinh viên xếp hạng yếu, Nhà trường sẽ cảnh báo đến sinh viên và gia đình

6. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

(Theo điều 15 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

6.1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ hoặc chuyển xếp năm đào tạo mới, khi:

a) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

b) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

c) Số lần cảnh báo kết quả học tập do Hiệu trưởng qui định, nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp.

6.2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của Hiệu trưởng;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ học phần đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

6.3. Ngoài ra, sinh viên bị buộc thôi học theo quy định tại Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy.

6.4. Những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại khoản 1 của Điều này, được quyền xin xét chuyển sang chương trình đào tạo trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên, sinh viên được bảo lưu các học phần đã tích lũy.

Trong vòng 1 tháng kể từ ngày có quyết định buộc thôi học do kết quả học tập yếu, nếu sinh viên không có đề nghị được chuyển sang học chương trình đào tạo khác, Nhà trường thông báo trả sinh viên về địa phương nơi có hộ khẩu thường trú.

7. Bảo lưu kết quả học tập chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

(Trích khoản 3,4 điều 31, chương 4 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Sinh viên chưa tốt nghiệp đại học

a) Những sinh viên còn nợ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường tích lũy đủ các chứng chỉ này để có đủ điều kiện tốt nghiệp;

b) Những sinh viên này phải làm đơn xin trả nợ các học phần

còn thiếu, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về ý thức chấp hành pháp luật của bản thân kể từ sau khi phải ngừng học.

(2) Sinh viên không tốt nghiệp đại học

a) Sinh viên chưa hết thời gian quy định cho toàn khoá học nhưng có số học phần chưa tích lũy của toàn khoá học ít hơn 15 tín chỉ, có thể làm đơn đề nghị Hiệu trưởng (qua Phòng Quản lý đào tạo, Trường Khoa, Viện trưởng) cho phép kéo dài thêm 01 học kỳ để tích lũy các học phần còn thiếu. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

b) Sinh viên đã hết thời gian tối đa quy định cho toàn khoá học (quy định tại Điều 6 của Quy định này) nhưng không tốt nghiệp đại học được Trường cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này, nếu có nhu cầu, được quyền làm đơn xin chuyển qua học theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học của Trường và được chuyển điểm các học phần đã tích lũy.

II. KIỂM TRA, THI HỌC PHẦN VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Đánh giá của giáo viên đối với sinh viên

(Theo điều 19, chương 3 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Các căn cứ để giảng viên cho điểm đánh giá của giảng viên đối với sinh viên lớp học phần:

a) Kết quả theo dõi tinh thần thái độ học tập trên lớp của sinh viên bao gồm: (1) Điểm chuyên cần; (2) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ học tập của sinh viên: Chuẩn bị bài tập, bài thảo luận, học liệu phục vụ học tập; (3) Điểm đánh giá phần thực hành hoặc các bài tập tình huống theo yêu cầu giảng viên; (4) Điểm khuyến khích tích

cực tham gia, chuẩn bị, thảo luận nhóm... (5) Điểm kiểm tra học phần và những căn cứ khác của giảng viên nhưng phải được công bố công khai cho sinh viên biết ngay khi bắt đầu giảng dạy học phần.

b) Kết quả điểm danh của giảng viên đối với học phần có quy định thời gian lên lớp.

(2) Giảng viên giảng dạy học phần trực tiếp chấm điểm đánh giá của giảng viên đối với từng sinh viên ở lớp học phần. Trường hợp có từ hai giảng viên trở lên giảng một lớp học phần, các giảng viên phải trao đổi thống nhất để cho điểm đối với sinh viên. Điểm này được chấm theo thang điểm 10, lấy điểm nguyên.

2. Kiểm tra học phần

(Theo điều 20, chương 3 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

Hình thức kiểm tra học phần, thời điểm kiểm tra học phần, thời lượng làm bài kiểm tra học phần, lịch kiểm tra học phần được quy định trong Đề cương chi tiết của học phần và giảng viên có trách nhiệm thông báo đến sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần. Giảng viên giảng dạy trực tiếp tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra học phần theo đúng thời gian đã thông báo cho sinh viên, cụ thể:

(1) Số lần kiểm tra học phần: Mỗi học phần có ít nhất một bài kiểm tra. Không kiểm tra lại.

Trường hợp sinh viên vắng kiểm tra có lý do chính đáng (trùng lịch kiểm tra các học phần, ốm đau, tai nạn hoặc lý do đột xuất khác) phải gửi đơn đề nghị hoãn kiểm tra cho giảng viên giảng dạy học phần để giảng viên quyết định tổ chức kiểm tra bù cho sinh viên.

(2) Hình thức kiểm tra học phần bao gồm kiểm tra viết (tự luận, kết hợp tự luận với trắc nghiệm), trắc nghiệm trên máy vi tính, thực hành, làm bài tập theo nhóm....

(3) Đề kiểm tra học phần, thời gian làm bài kiểm tra học phần

a) Đề kiểm tra học phần do giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần hoặc Bộ môn biên soạn: ít nhất là 2 đề/lớp/lần kiểm tra.

b) Thời gian làm bài kiểm tra học phần

- Đối với hình thức viết: 01 tiết;

- Đối với các hình thức khác do Trường Bộ môn quy định trong đề cương chi tiết.

(4) Chấm bài kiểm tra học phần. Giảng viên giảng dạy học phần chấm bài theo thang điểm 10, lấy điểm nguyên. Chậm nhất 2 tuần tính từ ngày kiểm tra, giảng viên chữa bài và trả bài cho sinh viên.

(5) Giảng viên phải công bố trước lớp học phần điểm đánh giá của giảng viên, điểm kiểm tra, danh sách sinh viên không được dự thi học phần trong buổi giảng cuối cùng học phần. Giảng viên photocopy Danh sách thi và bảng điểm học phần có đầy đủ điểm đánh giá học phần, điểm kiểm tra, chữ ký sinh viên, chữ ký của giảng viên giảng dạy học phần để lưu trữ, bản gốc chuyển cho Trường Bộ môn chậm nhất 01 tuần sau khi kết thúc giảng.

(6) Kiểm tra bù cho đối tượng sinh viên quy định ở khoản 1 của Điều này phải được thực hiện chậm nhất 01 tuần trước khi kết thúc giảng dạy học phần.

3. Kỳ thi, hình thức thi và lịch thi kết thúc học phần

(Theo điều 21, chương 3 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Điều kiện dự thi học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần sau mỗi học kỳ nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- Điểm đánh giá của giảng viên đối với sinh viên đạt từ điểm 5 trở lên;

- Đáp ứng các điều kiện dự thi học phần được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần;

- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Trường.

(2) Thi kết thúc học phần

a) Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Trường hợp đặc biệt, do Hiệu trưởng quy định;

b) Tổng số thời gian kỳ thi bao gồm thời gian ôn thi và thi. Tổng thời gian dành cho ôn thi các học phần tối thiểu bằng số tín chỉ tối đa của mỗi học kỳ nhân với 2/3 ngày;

c) Trong kỳ thi, từng học phần được tổ chức thi riêng biệt. Đối với mỗi học phần, sinh viên chỉ được dự thi một lần trong cùng một kỳ thi;

d) Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0;

đ) Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trường phòng Quản lý đào tạo cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau. Trường hợp học phần không còn tổ chức giảng dạy và tổ chức thi, Nhà trường cho phép sinh viên được đăng ký thi riêng nhưng sinh viên phải nộp kinh phí (nếu có) theo quy định.

(3) Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, thi trên máy tính, hoặc kết hợp giữa các hình

thức trên. Trưởng Bộ môn đề nghị, Hiệu trưởng phê duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

(4) Lịch thi

Phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch thi học kỳ trình Hiệu trưởng ký và gửi đến các khoa, viện, bộ môn, các đơn vị có liên quan để thực hiện và thông báo trên website của Trường. Đối với các chương trình đào tạo đặc thù, Hiệu trưởng có quyết định cụ thể

Lịch thi học kỳ cho các học phần phải được thông báo trước ít nhất 4 tuần. Lịch thi của kỳ thi phụ (nếu có) phải được thông báo trước ít nhất 1 tuần.

Các Khoa, Viện quản lý sinh viên thông báo lịch thi tại Văn phòng đơn vị.

Sinh viên có trách nhiệm xem lịch các kỳ thi tại Văn phòng khoa, viện quản lý sinh viên hoặc trên mạng quản lý đào tạo trực tuyến và cổng thông tin điện tử của Trường.

QUY TRÌNH HOÃN THI, CHUYÊN CA THI, THI BỔ SUNG

a) Hoãn thi

Sinh viên chỉ được hoãn thi trong trường hợp:

- Sinh viên bị trùng ca thi và không có ca thi nào thay thế.
- Ốm đau, tai nạn.
- Các trường hợp đặc biệt khác (*phải có xác nhận của phụ huynh hoặc chính quyền địa phương*).

Sinh viên nộp **Đơn hoãn thi** (theo Mẫu đơn trang bên hoặc có thể download tại địa chỉ: <http://khaothi-dbcldg.dneu.edu.vn/ViewVanBan.aspx?ID=93>) kèm theo Giấy xác nhận của bệnh viện trước ngày thi hoặc trong ngày thi cho Chuyên viên phụ trách tại Phòng 1.2 - Nhà 10.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu

ĐƠN XIN HOÃN THI

Kính gửi: Phòng Quản lý đào tạo

Em tên là:

Mã SV:

Lớp chuyên ngành:

Trong học kỳ, em xin hoãn thi môn.....

lớp tin chi

thi vào ngày ca tại giảng đường

..... vì lý do

.....

Các giấy tờ kèm theo đơn này (nếu có)

-

-

-

-

Em xin chân thành cảm ơn !

Hà Nội, ngày tháng năm

Người làm đơn

(Lưu ý: Phải nộp đơn này trước ngày thi hoặc tối đa sau ngày thi 3 ngày)

Các trường hợp đặc biệt được nộp Đơn hoãn thi (*tối đa 3 ngày*) sau khi thi là:

- Bị tai nạn phải nhập viện
- Đi cấp cứu trong tình trạng nguy kịch
- Bị ốm vào ngày thi, ngày thi rơi vào ngày nghỉ hoặc trước ngày nghỉ 1 ngày (*Thứ 7, CN*)
- Điều trị bệnh ở xa Hà Nội
- Có người thân mất vào ngày thi hoặc trước ngày thi từ 1 đến 2 ngày (*có giấy chứng tử*).

Chú ý:

(1) Nhà trường **không nhận giấy xác nhận ốm** của Phòng khám tư nhân, phòng khám theo yêu cầu trong các bệnh viện. Trong trường hợp bất khả kháng phải vào phòng khám để điều trị, sinh viên cần lấy thêm giấy xác nhận của Trạm y tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

(2) Giấy xác nhận ốm phải có **dấu tròn** của Trạm y tế, Bệnh viện. Trong trường hợp chỉ lấy được dấu vuông, sinh viên cần lấy thêm giấy xác nhận của Trạm y tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

b) Chuyển ca thi:

- Sinh viên bị trùng ca thi và có ca thi thay thế thì được phép chuyển ca thi.
- Sinh viên chỉ được phép chuyển ca thi khi lịch thi bị trùng nhiều môn.

Phòng QLĐT không giải quyết các trường hợp đi muộn, nhằm ca thi...

Trước ngày thi từ 1 - 3 ngày (*không kể thứ 7, CN*), sinh viên nộp **Đơn xin chuyển ca thi** (theo Mẫu đơn trang bên hoặc có thể *download tại địa chỉ: <http://khaothi-dbc|gd.neu.edu.vn/ViewVanBan.aspx?ID=93>*) cho Chuyên viên phụ trách tại Phòng 1.2 - Nhà 10.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu

ĐƠN XIN CHUYỂN CA THI

Kính gửi: Phòng Quản lý Đào tạo

Tên em là:

Mã SV Lớp chuyên ngành

Trong học kỳ, em bị trùng các môn thi
như sau:

STT	Lớp tín chỉ	Ngày thi	Ca thi	GD thi
1				
2				
3				
4				

Em xin phép được chuyển ca thi như sau:

STT	Lớp tín chỉ	Ngày thi	Ca thi	GD thi
1				
2				

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội ngày tháng..... năm

Người làm đơn

c) Thi bổ sung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> ĐƠN XIN THI BỔ SUNG	Mẫu
Kính gửi: Phòng Quản lý đào tạo	
Em tên là:	
Mã SV:	
Lớp chuyên ngành:	
Trong học kỳ, em đã hoãn thi môn.....	
lớp tín chỉ	
và điểm thi môn này trên tài khoản của em là PH (vắng thi có phép)	
Nay em có nguyện vọng thi bổ sung cùng đợt thi học kỳnăm học	
20....20..... cùng lớp tín chỉ thi vào ngày.....	
ca tại giảng đường	
Em xin chân thành cảm ơn !	
<i>Hà Nội, ngày tháng năm</i>	
Xác nhận của Phòng QLĐT	Người làm đơn

- Những sinh viên đã hoãn thi từ kỳ trước đến kỳ sau và chưa thi bổ sung.

- Sinh viên chỉ được thi bổ sung các môn có trong lịch thi học kỳ. Nếu không, sinh viên phải đợi đến kỳ sau.

- Quy trình thi bổ sung:

+ Làm **Đơn thi bổ sung** (theo Mẫu đơn bên trên hoặc có thể download tại địa chỉ: <http://khaothi-dbcldg.dnu.edu.vn/ViewVanBan.aspx?ID=93>)

+ Tìm trên lịch thi học kỳ môn cần thi bổ sung, chọn lớp tín chỉ muốn thi cùng rồi điền vào Đơn.

+ Nộp Đơn cho chuyên viên phụ trách ở Phòng 1.2 - Nhà 10 trước ngày thi từ 1 - 3 ngày (*không nhận trước*).

4. Khiếu nại điểm và xem lại kết quả bài thi học phần

(Trích Điều 26, chương 3 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”, “số 694/QĐ-ĐHKTQD V/v ban hành quy định về tổ chức xem lại kết quả bài thi học phần hệ đào tạo đại học hệ chính quy của trường ĐH Kinh tế Quốc dân ngày 13/8/2013”)

(1) Đối với điểm đánh giá của giảng viên và điểm kiểm tra học phần sinh viên khiếu nại trực tiếp đến giảng viên giảng dạy học phần.

(2) Đối với điểm thi học phần, sinh viên có thể đề nghị xem lại kết quả bài thi học phần trong thời gian quy định. Để xem lại bài thi học phần, sinh viên nộp đơn cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Sau thời gian 3 tuần kể từ ngày nhận đơn, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục công bố kết quả sau khi xem lại bài thi thông qua cổng thông tin điện tử.

(3) Sau khi điểm thông báo trên mạng quản lý đào tạo, phát hiện có sự khác biệt giữa bảng điểm học phần và điểm nhập trên mạng quản lý đào tạo, sinh viên đề nghị Phòng Quản lý đào tạo kiểm tra đối chiếu điểm đã nhập trên mạng và bảng điểm gốc trong thời gian không quá 6 tháng kể từ ngày thi.

(4) Các quy định khác liên quan đến việc xem lại bài thi học phần thực hiện theo Quy định về tổ chức xem lại kết quả bài thi học phần ban hành kèm theo Quyết định số 694/QĐ-ĐHKTQD ngày 13/8/2013 của Hiệu trưởng như sau:

a. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định về tổ chức và triển khai xem lại kết quả bài thi học phần, bao gồm: điều kiện, thời gian; công tác tiếp nhận đề

ngộ xem lại kết quả bài thi học phần; tổ chức kiểm tra nhập điểm cơ học; tổ chức chấm lại và công bố kết quả xem lại bài thi học phần; trách nhiệm của các đơn vị liên quan;

- Quy định này áp dụng đối với các kỳ thi học phần thuộc hệ đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ của trường Đại học Kinh tế quốc dân.

b. Điều kiện xem lại kết quả bài thi học phần

- Sau khi kết thúc đợt thi học phần của mỗi kỳ học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thông báo kế hoạch tổ chức xem lại bài thi học phần của kỳ học liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Trường và trên trang Web của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;

- Sinh viên có thắc mắc về điểm thi và có lý do chính đáng nộp đơn Đề nghị xem lại kết quả bài thi học phần (*sau đây gọi tắt là đơn Đề nghị, mẫu Đơn xem Phụ lục 1*) tại Bộ phận Khảo thí (*phòng 302 nhà 10*) thuộc Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (*sau đây gọi tắt là Bộ phận khảo thí*).

- Khi nộp đơn Đề nghị, sinh viên phải nộp lệ phí là: 35.000 đồng/học phần cho việc tìm bài thi lưu, đầu phách lưu, kiểm tra và đánh chính điểm.

c. Thông báo kết quả xem lại bài thi học phần

Căn cứ Biên bản chấm lại bài thi học phần của Bộ môn, nếu bài thi sau khi kiểm tra nhập điểm cơ học và/hoặc sau khi chấm lại có thay đổi về điểm, Bộ phận Khảo thí soạn Công văn thông báo kết quả xem lại bài thi kết thúc học phần, gửi tới Đơn vị quản lý đào tạo để đính chính điểm trên mạng quản lý đào tạo của trường (*đối với hệ đào tạo chính quy*).

d. Thời gian thực hiện công tác tổ chức xem lại kết quả bài thi học phần

- Trong thời gian tối đa 01 tuần, tính từ ngày hết hạn nhận đơn của sinh viên, Bộ phận Khảo thí có kết quả kiểm tra việc nhập điểm cơ học và gửi công văn Đề nghị chấm lại bài thi học phần tới Bộ môn liên quan;

- Trong thời gian tối đa 01 tuần, tính từ ngày nhận Đề nghị chấm lại bài thi học phần, Bộ môn có kết quả chấm lại bài thi học phần gửi cho Bộ phận Khảo thí.

- Trong thời gian tối đa 03 ngày, tính từ ngày nhận được Biên bản chấm lại bài thi học phần từ Bộ môn, nếu có thay đổi về điểm Bộ phận Khảo thí thông báo kết quả xem lại bài thi học phần tới Phòng Quản lý đào tạo.

- Trong thời gian tối đa 03 ngày, tính từ ngày nhận được Thông báo từ Bộ phận Khảo thí, Phòng Quản lý đào tạo nhập kết quả xem lại bài thi học phần vào tài khoản cá nhân của sinh viên trên mạng Quản lý đào tạo; đồng thời Bộ phận Khảo thí cũng thông báo kết quả xem lại bài thi học phần trên trang Web của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUY TRÌNH XEM LẠI KẾT QUẢ BÀI THI HỌC PHẦN

(1) Trong thời gian 14 ngày kể từ ngày có điểm trên mạng QLĐT của Trường, sinh viên có thể làm ***Đơn xem lại kết quả bài thi học phần*** (theo Mẫu đơn trang bên hoặc có thể download tại địa chỉ: <http://khaothi-dbclgd.neu.edu.vn/ViewVanBan.aspx?ID=93>);

(2) Sinh viên nộp ***Đơn xem lại kết quả bài thi học phần*** cùng với ***lệ phí*** cho bộ phận Khảo thí thuộc Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (*Phòng 3.2 - Nhà 10*);

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
XEM LẠI KẾT QUẢ BÀI THI HỌC PHẦN

Kính gửi: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

Tên em là: Số ĐT di động:

Mã sinh viên: Khóa:

Sinh viên lớp học phần:

Đã dự thi kết thúc học phần:

Ngày thi: Ca thi:

Phòng thi: Giảng đường thi:

Kết quả thi công bố trên hệ thống QLĐT: điểm (*bằng chữ*.....*điểm*).

Em làm đơn này kính đề nghị Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục và các đơn vị liên quan xem xét lại kết quả bài thi của em vì những lý do sau:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....

Người viết đơn

(3) Trong thời gian 15 ngày (trừ thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ), Nhà trường sẽ thông báo kết quả xem lại bài thi học phần trên tài khoản của sinh viên hoặc trên Website: <http://khaothi-dbcldg.dneu.edu.vn/>.

5. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập

(Theo điều 5, chương 1 và Theo Điều 27, chương 3 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

(1) Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký). Khối lượng học tập đăng ký bao gồm cả các học phần học lại, học cải thiện điểm, học lớp riêng, học ghép.

(2) Điểm trung bình chung học kỳ, năm học là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ năm học đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

(3) Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

(4) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học.

(5) Điểm học phần (theo thang điểm 10): là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng (các trọng số được quy định theo đề cương chi tiết của từng môn học, thường được kết cấu: 10% điểm ý thức, 20% điểm kiểm tra trên lớp, 70% điểm thi cuối kỳ). Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi thành điểm chữ tương ứng với thang điểm 4, như bảng dưới đây:

(1) Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số thang điểm 4 như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

(2) Điểm trung bình chung học kỳ, năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến hai chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i , theo thang điểm 4;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần.

III. THỰC TẬP CUỐI KHÓA, XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

1. Thực tập cuối khoá và viết chuyên đề thực tập

(Theo Điều 29, chương 4 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Tất cả sinh viên đều phải đăng ký nghiên cứu và viết chuyên đề thực tập hoặc đăng ký làm đề án tốt nghiệp;

(2) Điều kiện để sinh viên được đi thực tập, viết chuyên đề thực tập hoặc làm đề án tốt nghiệp:

- a) Tích lũy được ít nhất 75% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo;
- b) Thỏa mãn các điều kiện tiên quyết của học phần chuyên đề thực tập;
- c) Đang trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định;
- d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- e) Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ học phí theo quy định của Trường.

(3) Thời gian đăng ký thực tập và viết chuyên đề thực tập, hoặc làm đề án tốt nghiệp:

- a) Mỗi năm, Trường xét cho sinh viên đủ điều kiện đăng ký thực

tập và viết chuyên đề thực tập hoặc làm đồ án tốt nghiệp theo 2 đợt: Tháng 01 và tháng 07;

b) Thời gian thực tập là 15 tuần, ngoài ra còn 01 tuần chuẩn bị và 2 tuần phân công giảng viên hướng dẫn và mời các chuyên gia đầu ngành báo cáo chuyên đề mới cho sinh viên.

- Sinh viên đủ điều kiện, làm đơn đăng ký thực tập. Trường Khoa, Viện trưởng Quản lý sinh viên xét danh sách sinh viên đủ điều kiện thực tập và gửi báo cáo về Trường (qua Phòng Quản lý đào tạo).

- Trường Khoa, Viện trưởng Quản lý sinh viên căn cứ kế hoạch của Trường, ban hành Quy định cụ thể kế hoạch của đợt thực tập, thời gian nộp chuyên đề và tổ chức kiểm tra thực hiện kế hoạch của đơn vị mình; tổ chức cho sinh viên đăng ký thực tập trong tuần đầu của đợt thực tập; tổ chức báo cáo các chuyên đề mới cho sinh viên;

- Trường Khoa, Viện trưởng Quản lý sinh viên chủ trì, thống nhất với các Trường Bộ môn phân công giảng viên chỉ đạo thực tập, hướng dẫn làm đồ án, chuyên đề thực tập.

(4) Các giai đoạn thực tập

Tuỳ theo đặc điểm của các ngành, chuyên ngành đào tạo Trường khoa, Viện trưởng có thể tổ chức cho sinh viên thực tập thành 2 giai đoạn: Thực tập tổng hợp và thực tập chuyên đề. Hai giai đoạn có thể liên tục hoặc tách rời nhau.

Đối với một số ngành, chuyên ngành đặc thù như Du lịch - Khách sạn, Kinh tế Quản lý Môi trường, Quảng cáo... Trường Khoa có thể tổ chức cho sinh viên đi khảo sát thực tế tại cơ sở thay cho thực tập tổng hợp.

(5) Địa điểm thực tập

Trường Khoa, Viện trưởng quy định cụ thể về việc sinh viên phải

có hoặc không cần địa điểm thực tập tùy vào đặc thù của từng ngành, chuyên ngành và yêu cầu nội dung chuyên đề thực tập.

Trường hợp sinh viên có địa điểm thực tập cố định thì kết thúc đợt thực tập phải có xác nhận của cơ sở thực tập.

(6) Kết cấu chuyên đề thực tập

Trường Khoa, Viện trưởng chuyên ngành quy định kết cấu chuyên đề thực tập, số trang của chuyên đề thực tập nhưng không dưới 30 trang không kể phụ lục.

Chuyên đề thực tập phải được trình bày theo phong chữ Times New Roman cỡ chữ 13, cách dòng 1,3; kiểu gõ (bảng mã Unicode); kích thước lề trên và dưới 25mm; lề trái 35mm; lề phải 25mm.

(7) Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập, viết chuyên đề thực tập

a) Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập phải thỏa mãn ít nhất một trong các điều kiện sau: Đã giảng dạy các học phần chuyên ngành từ 5 năm trở lên; có trình độ thạc sỹ hoặc tiến sỹ đúng chuyên ngành. Giảng viên kiêm giảng, cán bộ quản lý, nghiên cứu sinh ngoài trường được mời hướng dẫn chuyên đề thực tập phải đáp ứng những điều kiện quy định này;

b) Mỗi giảng viên hướng dẫn không quá 15 chuyên đề thực tập trong mỗi đợt thực tập.

(8) Quy trình hướng dẫn sinh viên

Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập, hướng dẫn sinh viên viết chuyên đề thực tập hoặc làm đồ án theo các bước sau đây:

- Hướng dẫn sinh viên, nhóm sinh viên lựa chọn và đăng ký các đề tài nghiên cứu, khuyến khích sinh viên hoặc nhóm sinh viên nghiên cứu đề tài khoa học gắn với thực tập;

- Duyệt bản đề cương sơ bộ và đề cương chi tiết;
- Hướng dẫn sinh viên thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, tình hình và xử lý số liệu tình hình phục vụ cho việc viết chuyên đề thực tập, làm đồ án;
- Viết bản thảo;
- Sửa bản thảo;
- Hoàn thiện đồ án, chuyên đề thực tập;
- Chấm đồ án, chuyên đề thực tập;
- Phối hợp thanh tra đồ án, chuyên đề thực tập.

(9) Chấm đồ án, chuyên đề thực tập

a) Trưởng Bộ môn phân công 2 giảng viên chấm đồ án, chuyên đề thực tập, trong đó có giảng viên hướng dẫn;

b) Điểm đồ án, chuyên đề thực tập bao gồm 2 phần: Điểm báo cáo thực tập tổng hợp và điểm đồ án, chuyên đề thực tập. Điểm báo cáo thực tập tổng hợp (nếu có) không được vượt quá 30% điểm đồ án, chuyên đề thực tập;

c) Điểm đồ án, chuyên đề thực tập là điểm trung bình cộng điểm của giảng viên hướng dẫn và điểm của người chấm thứ 2.

Điểm đồ án, chuyên đề thực tập chấm theo thang điểm 10, lấy lẻ đến 01 chữ số thập phân;

d) Kết quả chấm đồ án, chuyên đề thực tập được công bố chậm nhất là 2 tuần lễ, kể từ ngày sinh viên nộp đồ án, chuyên đề thực tập;

đ) Điểm của đồ án, chuyên đề thực tập được tính vào điểm Trung bình chung tích lũy của sinh viên toàn khoá học;

e) Sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau phải nhận điểm 0, phải đăng ký thực tập lại và nộp học phí theo quy định của Trường:

- Nộp chuyên đề, hoặc đồ án chậm so với thời gian quy định của Khoa, Viện;

- Không thực hiện việc viết đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết, bản thảo chuyên đề thực tập theo hướng dẫn của giảng viên, không gặp giáo viên trong quá trình thực tập;

g) Trưởng Bộ môn ký tên vào Bảng điểm chuyên đề, đồ án thực tập; photocopy 01 bản để nhập điểm và lưu trữ; đồng thời nộp bảng điểm gốc cho Phòng Quản lý đào tạo;

h) Chế độ chấm chuyên đề thực tập, hoặc đồ án, theo quy định của Quy chế thu chi nội bộ.

(10) Kéo dài thời gian thực tập hoặc thời gian viết chuyên đề thực tập

Trường hợp có lý do chính đáng, không thể hoàn thành thực tập, viết chuyên đề thực tập trong thời gian quy định ban đầu, sinh viên phải kịp thời báo cáo với giáo viên hướng dẫn, Trưởng Khoa, Viện để được kéo dài thời gian thực tập, viết chuyên đề thực tập. Trưởng Khoa, Viện xem xét đề nghị của sinh viên, giáo viên hướng dẫn và thông báo với Nhà trường (qua Phòng Quản lý đào tạo). Thời gian kéo dài không quá 7 tuần.

2. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

(Trích Điều 30, chương 4 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách

nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt điểm từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4);

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

đ) Hoàn thành việc học tập chính trị đầu khoá và được cấp chứng chỉ của Trường;

e) Hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Trường;

g) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

(2) Thời điểm xét tốt nghiệp

Hàng năm, Nhà trường xét tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện kiện tốt nghiệp 03 đợt: Đợt 1 vào tháng 3, đợt 2 vào tháng 6 và đợt 3 vào tháng 10.

(3) Hội đồng xét tốt nghiệp cấp Khoa, Viện bao gồm Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Khoa, Viện trưởng hoặc Phó Trưởng Khoa, Phó Viện trưởng được ủy quyền; Ủy viên Hội đồng: Phó Trưởng Khoa, Phó Viện trưởng, các Trưởng Bộ môn thuộc Khoa, Viện, Chánh văn phòng Viện và Trợ lý đào tạo.

(4) Hội đồng xét tốt nghiệp Khoa, Viện họp xét và đề nghị Hội đồng xét tốt nghiệp Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 của Điều này.

(5) Hội đồng xét tốt nghiệp cấp Trường do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, Phó Hiệu trưởng làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Ủy viên Thường trực Hội đồng; Trưởng Khoa,

Viện trưởng Quản lý sinh viên có sinh viên tốt nghiệp, Trưởng các Phòng có liên quan và Trưởng Trạm y tế là Ủy viên Hội đồng.

(6) Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân căn cứ biên bản của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của Trường và Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(7) Hội đồng xét tốt nghiệp thực hiện công tác xét tốt nghiệp và công tác xét thôi học cho sinh viên hết thời hạn học tập hoặc sinh viên có kết quả học tập yếu theo khoản 1 Điều 15 của Quy định này.

3. Cấp Bằng tốt nghiệp đại học

(Trích khoản 1, Điều 31, chương 4 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

a) Bằng tốt nghiệp đại học được ghi theo ngành đào tạo và kèm theo Bảng điểm. Bảng điểm ghi rõ ngành và chuyên ngành đào tạo hoặc ngành phụ (nếu có); xếp loại rèn luyện và kết quả học tập cao nhất đã tích lũy theo từng học phần của sinh viên;

b) Bằng tốt nghiệp đại học được cấp cho sinh viên tốt nghiệp đại học sau 01 tháng kể từ khi có Quyết định công nhận tốt nghiệp của Hiệu trưởng;

c) Trong thời gian chờ cấp Bằng, Nhà trường cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho sinh viên có nhu cầu;

d) Mỗi sinh viên tốt nghiệp đại học chỉ được cấp 01 bằng tốt nghiệp đại học, mất không cấp lại. Trường hợp có nhu cầu, sinh viên làm đơn đề nghị và được Nhà trường cấp Giấy chứng nhận theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Bằng tốt nghiệp đại học chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi

đầy đủ, chính xác các nội dung trên Bảng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý văn bằng;

đ) Hạng tốt nghiệp đại học được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học như sau:

TT	Hạng tốt nghiệp	Điểm trung bình chung tích lũy (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung tích lũy (thang điểm 4)
1	Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10	Từ 3,60 đến 4,00
2	Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 3,20 đến 3,59
3	Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 2,50 đến 3,19
4	Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	Từ 2,25 đến 2,49
5	Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 2,00 đến 2,24

e) Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có khối lượng học phần bị điểm F phải đăng ký học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo;

- Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

g) Trường tổ chức bế giảng khoá học và trao bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học mỗi năm một lần vào tháng 7

IV. KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

1. Các hành vi học sinh, sinh viên không được làm

(Trích Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 về Quy chế HSSV các trường ĐH, CĐ và TCCN hệ chính quy)

(1) Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường và HSSV khác.

(2) Gian lận trong học tập như: *quay cóp, mang tài liệu vào phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập, trực hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập, trực hộ; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.*

(3) Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.

(4) Gây rối an ninh, trật tự.

(5) Tham gia đua xe hoặc cở vũ đua xe trái phép.

(6) Đánh bạc dưới mọi hình thức.

(7) Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma tuý, các loại hoá chất cấm sử dụng, các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong nhà trường và các hành vi vi phạm đạo đức khác.

(8) Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa nhà trường khi chưa được Hiệu trưởng cho phép.

2. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về kiểm tra, thi, làm đồ án và viết chuyên đề thực tập

(Theo điều 33, chương 5 Quy chế 1212 “Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”)

(1) Trong quá trình kiểm tra, thi học phần nếu sinh viên vi phạm nội quy thi, sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần và tùy theo mức độ vi phạm sẽ xử lý từ hình thức khiển trách, cảnh cáo đến đình chỉ thi.

a) Hình thức khiển trách và cảnh cáo do cán bộ coi thi, kiểm tra lập biên bản và quyết định, cụ thể:

- Sinh viên bị khiển trách trong khi thi, kiểm tra học phần nào thì bị trừ 25% điểm bài thi, kiểm tra học phần đó.

- Sinh viên bị cảnh cáo trong khi thi, kiểm tra học phần nào thì bị trừ 50% điểm bài thi, kiểm tra học phần đó.

b) Hình thức đình chỉ thi, kiểm tra học phần:

- Hình thức đình chỉ kiểm tra học phần do cán bộ giảng dạy hoặc người được phân công kiểm tra học phần lập biên bản, thu tang vật, xử lý và báo cáo Trường Bộ môn;

- Hình thức đình chỉ thi do cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và do Trường Bộ môn hoặc người được ủy quyền phụ trách ca thi quyết định;

- Sinh viên bị đình chỉ thi, kiểm tra trong khi thi, kiểm tra học phần nào thì bài thi, kiểm tra học phần đó bị điểm không (0).

Chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc mỗi đợt thi hết học phần của mỗi học kỳ, Trường Bộ môn thông báo về Phòng Thanh tra, Đảm bảo chất lượng giáo dục và Khảo thí danh sách sinh viên bị đình chỉ thi học phần.

c) Sinh viên bị đình chỉ thi học phần từ hai lần trở lên bị xử lý kỷ luật cảnh cáo toàn trường.

(2) Sinh viên kiểm tra, thi hộ hoặc nhờ người kiểm tra, thi hộ học phần đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

(3) Sinh viên học hộ hoặc nhờ người học hộ bị kỷ luật từ khiئن trách đến buộc thôi học tùy theo mức độ vi phạm.

(4) Xử lý sinh viên sao chép chuyên đề thực tập, đồ án của người khác tùy mức độ sao chép mà áp dụng các hình thức:

a) Trừ điểm ít nhất 1 điểm chuyên đề, đồ án nếu sao chép từ 10% đến dưới 20%, điểm còn lại không quá 6,0;

b) Thực tập và viết lại chuyên đề thực tập nếu sao chép từ 20% trở lên.

(5) Ngoài việc xử lý theo khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này, sinh viên còn bị xử lý kỷ luật theo Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng.

(6) Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường có hành vi vi phạm các quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung, hình thức thi đua, khen thưởng

(Trích Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007

về Quy chế HSSV các trường ĐH, CĐ và TCCN hệ chính quy)

(1) Thi đua, khen thưởng thường xuyên đối với cá nhân và tập thể lớp HSSV có thành tích cần biểu dương, khuyến khích kịp thời. Cụ thể:

a) Đạt giải trong các cuộc thi HSSV giỏi, Olympic các môn học, có công trình nghiên cứu khoa học có giá trị;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, ĐTN, HSV, trong hoạt động thanh niên xung kích, HSSV tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong KTX, trong hoạt động xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao;

c) Có thành tích trong việc cứu người bị nạn, dũng cảm bắt kẻ gian, chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

Nội dung, mức khen thưởng thường xuyên do Hiệu trưởng quy định.

(2) Thi đua, khen thưởng toàn diện định kỳ đối với cá nhân và tập thể lớp HSSV được tiến hành vào cuối mỗi một học kỳ hoặc năm học. Cụ thể:

a) Đối với cá nhân HSSV:

- Danh hiệu cá nhân gồm 3 loại: *Khá, Giỏi, Xuất sắc*.

- Tiêu chuẩn xếp loại danh hiệu cá nhân như sau:

+ Đạt danh hiệu **HSSV Khá**, nếu xếp loại học tập và rèn luyện từ Khá trở lên;

+ Đạt danh hiệu **HSSV Giỏi** nếu xếp loại học tập từ Giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ Tốt trở lên;

+ Đạt danh hiệu **HSSV Xuất sắc** nếu xếp loại học tập và rèn luyện Xuất sắc.

Xếp loại học tập xác định theo quy định của Quy chế đào tạo của từng trình độ đào tạo, xếp loại rèn luyện xác định theo quy định của Bộ GD&ĐT về đánh giá kết quả rèn luyện.

- Danh hiệu cá nhân của HSSV được ghi vào hồ sơ HSSV.

- Không xét khen thưởng đối với HSSV bị kỷ luật hoặc có điểm thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất trong học kỳ hoặc năm học đó dưới mức trung bình.

b) Đối với tập thể lớp HSSV:

- Danh hiệu tập thể lớp HSSV gồm 2 loại: Lớp HSSV Tiên tiến và Lớp HSSV Xuất sắc.

- Đạt danh hiệu Lớp HSSV Tiên tiến nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Có từ 25% HSSV đạt danh hiệu HSSV Khá trở lên;

+ Có cá nhân đạt danh hiệu HSSV Giỏi trở lên;

+ Không có cá nhân xếp loại học tập kém hoặc rèn luyện kém, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

+ Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua trong nhà trường.

- Đạt danh hiệu Lớp HSSV Xuất sắc nếu đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu lớp HSSV Tiên tiến và có từ 10% HSSV đạt danh hiệu HSSV Giỏi trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu HSSV Xuất sắc.

4. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng

(Trích Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007

về Quy chế HSSV các trường ĐH, CĐ và TCCN hệ chính quy)

(1) Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức cho HSSV, các lớp HSSV đăng ký danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể lớp HSSV.

(2) Thủ tục xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào thành tích đạt được trong học tập và rèn luyện của HSSV, các lớp HSSV tiến hành lập danh sách kèm theo bản thành

tích cá nhân và tập thể lớp, có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm, đề nghị lên khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV xem xét;

b) Khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV tổ chức họp, xét và đề nghị lên Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của trường xét duyệt;

c) Căn cứ vào đề nghị của khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV, Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của trường tổ chức xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu đối với cá nhân và tập thể lớp HSSV.

5. Hình thức kỷ luật và nội dung vi phạm

(Trích Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007

về Quy chế HSSV các trường ĐH, CĐ và TCCN hệ chính quy)

(1) Những HSSV có hành vi vi phạm thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: áp dụng đối với HSSV có hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với HSSV đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng;

c) Đình chỉ học tập 1 năm học: áp dụng đối với những HSSV đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi HSSV không được làm;

d) Buộc thôi học: áp dụng đối với HSSV đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần

đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (*kể cả trường hợp bị xử phạt tù được hưởng án treo*).

(2) Hình thức kỷ luật của HSSV phải được ghi vào hồ sơ HSSV. Trường hợp HSSV bị kỷ luật mức đình chỉ học tập 1 năm học và buộc thôi học, nhà trường cần gửi thông báo cho địa phương và gia đình HSSV biết để quản lý, giáo dục.

(3) Nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định Phụ lục kèm theo Quy chế này.

6. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật

(Trích Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 về Quy chế HSSV các trường ĐH, CĐ và TCCN hệ chính quy)

(1) Thủ tục xét kỷ luật:

a) HSSV có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật;

b) Giáo viên chủ nhiệm chủ trì họp với tập thể lớp HSSV, phân tích và đề nghị hình thức kỷ luật gửi lên khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV;

c) Khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV xem xét, đề nghị lên Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của nhà trường;

d) Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật nhà trường tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần bao gồm: các thành viên của Hội đồng, đại diện tập thể lớp HSSV có HSSV vi phạm và HSSV có hành vi vi phạm. HSSV vi phạm kỷ luật đã được mời mà không đến dự (*nếu không có lý do chính đáng*) thì Hội đồng vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật.

Hội đồng kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định kỷ luật bằng văn bản.

(2) Hồ sơ xử lý kỷ luật của HSSV:

a) Bản tự kiểm điểm (*trong trường hợp HSSV có khuyết điểm không chấp hành việc làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng vẫn họp để xử lý trên cơ sở các chứng cứ thu thập được*);

b) Biên bản của tập thể lớp họp kiểm điểm HSSV có hành vi vi phạm;

c) Ý kiến của khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV;

d) Các tài liệu có liên quan.

Trong trường hợp có đủ chứng cứ HSSV vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế, đơn vị phụ trách công tác HSSV sau khi trao đổi với Trưởng khoa, đại diện tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội LHTN Việt Nam và HSV Việt Nam (*nếu có*) lập hồ sơ trình Hiệu trưởng quyết định hình thức xử lý.

7. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật

(Trích Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007

về Quy chế HSSV các trường ĐH, CĐ và TCCN hệ chính quy)

(1) Đối với trường hợp bị khiển trách: sau 3 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu HSSV không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của HSSV kể từ ngày chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật.

(2) Đối với trường hợp bị cảnh cáo: sau 6 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu HSSV không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt

hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của HSSV kể từ ngày chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật.

(3) Đối với trường hợp đình chỉ học tập cho về địa phương: khi hết thời hạn đình chỉ, HSSV phải xuất trình chứng nhận của địa phương xã, phường, thị trấn nơi cư trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương để nhà trường xem xét, tiếp nhận vào học tiếp.

(4) Cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật phải có điều khoản ghi rõ thời gian HSSV bị thi hành kỷ luật, tính từ khi ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật theo quy định.

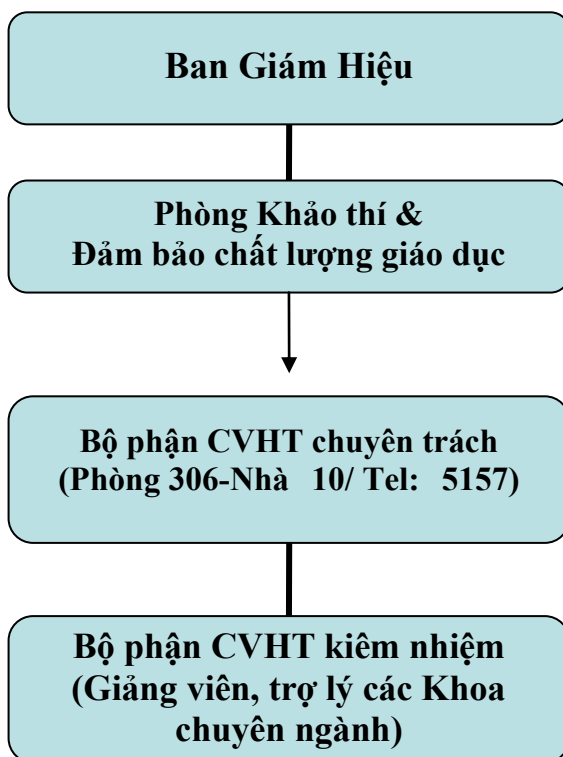
PHẦN III

CÁC VĂN BẢN VỀ HỖ TRỢ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN

I. QUY ĐỊNH VỀ CỐ VẤN HỌC TẬP

(Trích Quyết định số: 1102 /QĐ-ĐHKQTĐD ngày 23/9/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

1. Hệ thống Cố vấn học tập



2. Nhiệm vụ của Cố vấn học tập kiêm nhiệm

(1) Tư vấn cho sinh viên cách thức xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học; hướng dẫn sinh viên đăng ký học phần ở từng học kỳ để hoàn thành kế hoạch học tập; ký xác nhận các văn bản, biểu mẫu cho sinh viên thuộc lớp mình phụ trách theo quy định của trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(2) Nắm danh sách lớp, thông tin cá nhân sinh viên; đề cử Ban cán sự lớp thông qua bầu cử tại lớp, báo cáo Danh sách Ban cán sự lớp tới lãnh đạo Khoa/ Viện;

(3) Thông qua tình hình, kết quả học tập của sinh viên để tư vấn, hướng dẫn sinh viên trong việc đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của từng sinh viên;

(4) Thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên (phổ biến quy định đánh giá, hướng dẫn thực hiện, chủ trì họp lớp đánh giá), hướng dẫn sinh viên thực hiện khiếu nại, điều chỉnh, đánh giá bổ sung theo đúng quy định, tiến độ;

(5) Hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học; các hoạt động văn, thể, mỹ lành mạnh, bổ ích;

(6) Nắm tình hình chung của lớp phụ trách (về các mặt học tập, đời sống, sinh hoạt) thông qua báo cáo của Ban cán sự lớp; hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường và các vấn đề khác có liên quan;

(7) Chủ trì họp lớp xét khen thưởng, kỷ luật sinh viên thuộc lớp phụ trách; đề nghị khen thưởng, kỷ luật sinh viên thuộc lớp phụ trách gửi lãnh đạo Khoa/ Viện để xem xét tại các phiên họp Hội đồng xét khen thưởng – kỷ luật sinh viên;

(8) Tham dự họp Hội đồng xét khen thưởng – kỷ luật đối với sinh viên thuộc lớp phụ trách để phát biểu ý kiến, đề xuất hình thức khen thưởng, kỷ luật nhưng không được quyền biểu quyết;

3. Trách nhiệm của CVHT kiêm nhiệm về tổ chức làm việc với các lớp phụ trách

- Tổ chức họp với Ban cán sự và Ban chấp hành Chi đoàn lớp 01 buổi/tháng;

- Tổ chức họp với lớp phụ trách 02 buổi/học kỳ (01 buổi họp đầu kỳ học và 01 buổi họp vào cuối kỳ học)

- Kế hoạch họp lớp phải báo cáo tới CVHT chuyên trách; Nội dung các buổi họp phải được ghi biên bản có chữ ký xác nhận của Ban cán sự và Ban chấp hành Chi đoàn lớp; chuyển 01 bản sao biên bản họp tới CVHT chuyên trách.

- CVHT kiêm nhiệm có thể yêu cầu làm việc đột xuất với Ban cán sự lớp, hoặc họp lớp để giải quyết các công việc theo yêu cầu của Trường, Khoa/ Viện hoặc của tập thể lớp.

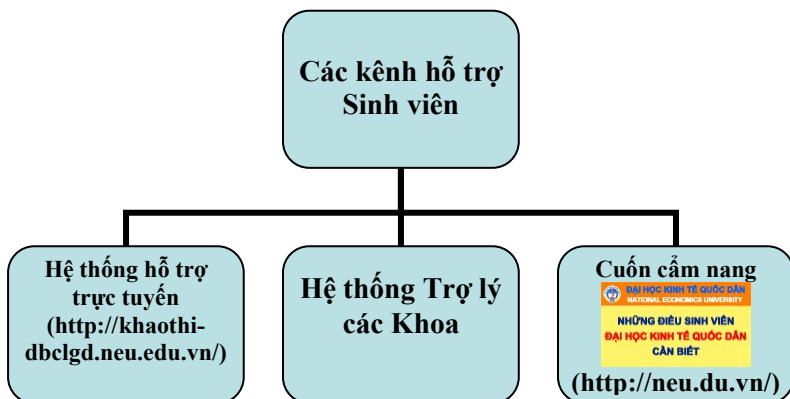
- Ngoài các buổi họp, CVHT kiêm nhiệm có trách nhiệm thường xuyên liên hệ với Ban cán sự, Ban chấp hành Chi đoàn, sinh viên của lớp để nắm tình hình qua nhiều hình thức khác như gặp trực tiếp, điện thoại, email, facebook...

Đối với những sinh viên khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt, gặp khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, CVHT cần ưu tiên thường xuyên liên hệ, giúp đỡ, động viên sinh viên, giúp sinh viên vượt qua khó khăn để hoàn thành kế hoạch học tập đã đặt ra.

(3) Danh sách CVHT chuyên trách

TT	Họ tên	Điện thoại liên hệ	Email
01	ThS. Tạ Mạnh Thắng (<i>Phó Trưởng Phòng Phụ trách công tác CVHT</i>)	0904.230.773	khaothi-dbcl@neu.edu.vn ; ta.thang@neu.edu.vn ; cvht.ktqd@gmail.com
02	ThS. Nguyễn Thị Chung	0902.064.548	chungnt@neu.edu.vn
03	Nguyễn Tuyết Thanh	0915.11 2.113	ntthanhkdqt@neu.edu.vn
04	Nguyễn Trọng Tuấn	0904. 857.116	nguyentrongtuan@neu.edu.vn

(4) Các kênh hỗ trợ sinh viên



II. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

(Trích “*Quyết định số 1357/QĐKH của Hiệu trưởng về việc ban hành Quyết định Nghiên cứu khoa học của Sinh viên và Căn cứ theo công văn số 6716/BGDĐT-KHCNMT ngày 7/10/2011*”)

Nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo ở trường đại học, qua đó hình thành tư duy và phương pháp NCKH, thực hiện phương châm “*giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và NCKH*”.

1. Mục đích và yêu cầu của hoạt động NCKH

1.1. Mục đích hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm:

- Thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng "*Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội*" góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện;

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước;

- Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của sinh viên, hình thành năng lực tự học cho sinh viên;

- Góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội.

1.2. Yêu cầu hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm:

- Hoạt động NCKH là nhiệm vụ của mọi sinh viên;

- Mức độ hoạt động NCKH phù hợp với trình độ và yêu cầu học tập của sinh viên từng năm, từng giai đoạn;

- Nội dung và kết quả nghiên cứu có giá trị khoa học, có tính mới và sáng tạo.

1.3. Đối tượng tham gia NCKH: gồm tất cả các sinh viên đang tham gia học tập tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân: sinh viên thuộc hệ đại học chính quy, hệ đại học VLVH, hệ liên thông lên đại học...

2. NCKH của sinh viên là một hoạt động chính khoá, bao gồm các nội dung chính sau đây:

Trao đổi về phương pháp, kinh nghiệm học tập ở bậc đại học, nghiên cứu trao đổi nội dung các môn học cơ bản thông qua các hoạt động khoa học như trao đổi kinh nghiệm học tập, viết tiểu luận, đề án môn học.

Nghiên cứu thông qua các buổi sinh hoạt khoa học để trao đổi về phương pháp nghiên cứu một đề tài khoa học, viết tiểu luận và đề án môn học tham gia nghiên cứu, phục vụ thực tiễn, viết chuyên đề, luận văn tốt nghiệp.

Ngoài các nội dung hoạt động theo từng giai đoạn, hàng năm sinh viên có thể tham gia vào các cuộc thi chuyên đề, thi học sinh giỏi, nghiên cứu các đề tài khoa học của Trường giao hay các hợp đồng với bên ngoài, dự các buổi sinh hoạt khoa học ở cấp Khoa/Viện, Trường. Tham gia thực hiện các đề tài khoa học của giảng viên dưới dạng điều tra, khảo sát thu thập số liệu phổ biến khoa học trong quần chúng nhân dân.

3. Xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của sinh viên

Hàng năm, trên cơ sở định hướng phát triển khoa học và công nghệ, Trường xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của sinh viên.

Kế hoạch hoạt động NCKH của sinh viên là một phần của kế hoạch khoa học và công nghệ của trường đại học, bao gồm các nội dung:

- Xác định danh mục đề tài NCKH của sinh viên và triển khai thực hiện đề tài theo quy định chung của Bộ GD&ĐT;
- Tổ chức hội nghị NCKH của sinh viên và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của sinh viên;
- Tham gia xét Giải thưởng “*Tài năng khoa học trẻ Việt Nam*” của Bộ GD&ĐT.

4. Quyền lợi của sinh viên trong NCKH

- Được chọn báo cáo khoa học ở Khoa/Viện, Trường, dự các hội thảo khoa học trong và ngoài Trường.

- Những sinh viên có đề tài nghiên cứu được chọn báo cáo sinh hoạt khoa học từ lớp trở lên được ưu tiên khi xét các danh hiệu sinh viên xuất sắc, tiên tiến, xét các loại học bổng về học tập và khuyến khích tài năng.

- Sinh viên đạt kết quả tốt trong kỳ thi chuyên đề, học sinh giỏi, có các công trình NCKH được đánh giá xuất sắc, được Nhà trường xét cộng điểm hoặc cho miễn thi môn học có liên quan.

Sinh viên có đề tài nghiên cứu được báo cáo tại Hội nghị khoa học từ cấp Khoa/Viện trở lên được cộng điểm khi xét ngành học giai đoạn hai.

Sinh viên được xét chuyên tiếp nghiên cứu sinh trong và ngoài nước phải có ít nhất 1 công trình nghiên cứu được khen thưởng từ cấp Trường trở lên.

5. Phòng Quản lý Khoa học là cơ quan tham mưu giúp Hiệu trưởng thống nhất quản lý, chỉ đạo các hoạt động về NCKH sinh viên. Hàng năm lập kế hoạch về nội dung hoạt động NCKH sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt, sau đó thống nhất chỉ đạo tổ chức thực hiện.

6. Các Khoa/Viện QLSV căn cứ vào kế hoạch chung của Trường và nhiệm vụ NCKH của sinh viên, phối hợp với phòng Quản lý Khoa học và đơn vị có liên quan để tổ chức triển khai, thực hiện các hoạt động về NCKH của sinh viên trong đơn vị; xác nhận và đề nghị với nhà trường về quyền lợi của sinh viên trong NCKH.

7. BCS lớp sinh viên từng nhiệm kỳ với sự giúp đỡ của Cố vấn học tập, giáo viên chuyên môn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động về NCKH của lớp theo các nội dung và nhiệm vụ quy định như: Tổ chức sinh hoạt khoa học, các cuộc thi chuyên đề, học sinh giỏi...

8. Các cán bộ giáo viên tham gia tổ chức hướng dẫn NCKH cho sinh viên tùy theo tính chất của công việc được hưởng chế độ theo quy định.

9. Cá nhân sinh viên hoặc tập thể sinh viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH, ngoài việc được hưởng quyền lợi như Điều 4 còn được Nhà trường xét khen thưởng hàng năm và đột xuất.

Những sinh viên có hành vi cản trở hoạt động NCKH thì tùy mức độ sẽ phải chịu các hình thức xử lý thích hợp.

III. QUY ĐỊNH THAM KHẢO TÀI LIỆU TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

(Trích “Quy định số 108/QĐ-TTTT.TV

của Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện ngày 04/11/2009)

1. Quy định chung

1.1. Thời gian phục vụ tại Trung tâm Thông tin Thư viện (gọi tắt là *Thư viện*) được quy định như sau:

* *Thời gian phục vụ trong giờ:*

+ Sáng: 7h30 đến 11h30

+ Chiều: 13h00 đến 17h00

* *Thời gian phục vụ ngoài giờ:*

+ Từ 7h30 đến 21h30 thông trưa, chiều đến tối (*Đối với Phòng đọc tự chọn sách Việt, Ngoại văn*).

- Chiều thứ 6 hàng tuần phục vụ đến 15h00 đóng cửa dọn vệ sinh các phòng đọc, kho sách, từ 17h00 tiếp tục phục vụ đến 21h30).

- Ngày thứ 7 phục vụ từ 7h30 đến 17h00.

- Mỗi buổi thu và sắp xếp lại tài liệu trước khi nghỉ 15 phút.

* ***Chủ nhật và các ngày lễ, Thư viện không phục vụ.***

1.2. Trước khi tham khảo tài liệu, bạn đọc phải học lớp “*Hướng dẫn tra cứu và tham khảo tài liệu*”. Đây là điều kiện bắt buộc để có thể tham gia sử dụng các tiện ích của Thư viện.

1.3. *Bạn đọc vào Thư viện* tham khảo tài liệu phải xem kỹ nội quy, sơ đồ chỉ dẫn các phòng đọc, phòng chức năng; không đi lại tự do trong Thư viện; giữ gìn trật tự, vệ sinh chung, không hút thuốc lá, không nhai kẹo cao su, không ăn quà vứt rác bừa bãi; trang phục gọn gàng, nghiêm túc.

1.4. Bạn đọc đến Thư viện đọc tài liệu phải mang thẻ công chức, thẻ học viên, thẻ nghiên cứu sinh, thẻ sinh viên có mã vạch do Trường cấp, phải qua bộ phận Bảo vệ để kiểm tra thẻ và gửi đồ dùng.

- Không được mượn thẻ của người khác hoặc cho người khác mượn thẻ. Ai có các hành vi giả mạo thẻ đều bị xử lý theo quy định.

2. Quy định tra cứu tìm tin, mượn, đọc tài liệu

- Bạn đọc mượn tài liệu đã có đủ thông tin về tài liệu mượn, (*Ví dụ: Tên sách, báo, tạp chí, số đăng ký cá biệt; số báo, tạp chí ra ngày... tháng...*) thì đến phòng mượn ghi đầy đủ các mục yêu cầu trong phiếu và thẻ cho thủ thư để mượn tài liệu.

- Nếu bạn đọc chưa biết thông tin về tài liệu mình cần mượn thì đến phòng “*Tra cứu tìm tin*” Phòng 212 - Tầng 2 để tìm kiếm thông tin.

- Nếu bạn đọc vào phòng tự chọn thì đến giá xếp tài liệu theo thông tin đã biết để tìm đọc.

3. Quy định mượn và tham khảo tài liệu

Hiện nay, Thư viện có hai loại dữ liệu cho bạn đọc mượn và tham khảo:

+ Dữ liệu truyền thông in trên giấy

+ Dữ liệu điện tử trên mạng, trên đĩa CD rom.

3.1. Dữ liệu truyền thông in trên giấy

3.1.1. Phòng đọc tự chọn (đọc tài liệu tại chỗ):

Ngoài các quy định chung, bạn đọc còn phải thực hiện các quy định sau:

a. Khi vào phòng đọc, phải nộp thẻ cho thủ thư và lấy tích kê chỗ ngồi đọc. Phải bảo quản tích kê, nếu để mất sẽ xử lý theo quy định.

b. Cặp sách, đồ dùng phải gửi bộ phận Bảo vệ của Thư viện. Bạn đọc không được để tiền, điện thoại, máy tính xách tay và những tài sản quý trong túi, cặp sách gửi, để tránh trường hợp nhầm lẫn, mất.

c. Trong phòng đọc, đi lại nhẹ nhàng, giữ trật tự, không hút thuốc lá, không nhai kẹo cao su, không ăn quà và vứt rác bừa bãi.

d. Bạn đọc tự chọn tài liệu và đọc tại chỗ, mỗi lần chỉ được lấy 01 bản. Đọc xong tài liệu bạn đọc phải để đúng vị trí của nó như ban đầu, sau đó mới lấy tiếp bản khác để đọc.

đ. Không được tự động mang tài liệu ra khỏi phòng. Ai cần tài liệu về nhà nghiên cứu thì đăng ký với thủ thư để đặt photocopy tài liệu đó.

e. Không được dùng máy ảnh, điện thoại di động sao chụp tài liệu, nếu cố tình vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

g. Không được ngồi đọc các tài liệu không có trong phòng.

3.1.2. Phòng cho mượn tài liệu về nhà

Ngoài những quy định chung, bạn đọc còn phải thực hiện các quy định sau:

a. Bạn đọc được mượn tài liệu về nhà tham khảo tại Phòng Mượn sách tiếng Việt (P.103 - Tầng 1) - “Tra cứu tìm tin” (P.212 - Tầng 2).

b. Khi đến mượn tài liệu, bạn đọc phải xuất trình thẻ phiếu yêu cầu mượn sách, có ghi đầy đủ tên tài liệu, số đăng ký cá biệt.

c. Thời hạn bạn đọc được mượn tài liệu là 2 tuần, mỗi lần tối đa 2 cuốn, sau khi trả hết mới được mượn tiếp tên sách khác.

d. Bạn đọc mượn sách theo lịch quy định, trả sách vào tất cả các ngày làm việc của Thư viện.

đ. Mượn tài liệu phải trả đúng thời hạn, ai trả quá thời hạn sẽ bị xử lý theo quy định .

e. Làm mất tài liệu hoặc mất trang tài liệu sẽ bị xử lý theo quy định.

Mượn được tài liệu, bạn đọc phải kiểm tra lại tài liệu xem có đúng yêu cầu mình cần không, nếu bị rách, hoặc mất trang phải báo ngay cho thủ thư. Nếu không, bạn đọc sẽ phải chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định.

3.2. Phòng đọc tài liệu dữ liệu điện tử và Phòng tra cứu tìm tin.

Ngoài những quy định chung, bạn đọc phải thực hiện những quy định sau:

a. Khi vào phòng đọc phải nộp thẻ cho thủ thư.

b. Cặp sách và đồ dùng gửi tại phòng bảo vệ. Bạn đọc không được để tiền, điện thoại, máy tính xách tay và những tài sản quý trong túi, cặp sách gửi đồ, để tránh trường hợp nhầm lẫn, mất tài sản.

c. Trong phòng đọc đi lại nhẹ nhàng, giữ trật tự, không hút thuốc lá, không nhai kẹo cao su, không ăn quà và vứt rác bừa bãi.

d. Bạn đọc sử dụng máy tính để tra cứu tìm tin và khai thác dữ liệu thông tin trên mạng để phục vụ học tập, nghiên cứu.

đ. Bạn đọc không được khai thác những cơ sở dữ liệu bị cấm.

e. Bạn đọc không được tự ý sao, copy dữ liệu.

g. Không được tự động di chuyển, tháo mở các thiết bị máy, trong phòng.

4. Bảo vệ tài liệu

- Nghiêm cấm cắt xé, hoặc viết vẽ vào tài liệu.

- Khi mượn tài liệu bạn đọc phải kiểm tra kỹ tài liệu, nếu thấy tài liệu đã bị mất trang hoặc đã bị viết vẽ, phải báo ngay cho thủ thư biết. Nếu không bạn đọc phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

5. Xử lý vi phạm: Tất cả các hành vi vi phạm quy định của Thư viện đều bị xử lý theo quy định của Nhà trường.

PHẦN IV
CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

I. QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH VỀ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp mới và cấp lại thẻ sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
ĐƠN XIN CẤP LẠI THẺ SINH VIÊN		
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="padding: 5px;">Mẫu</td></tr></table>		Mẫu
Mẫu		
Kính gửi : Phòng Tổng hợp - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân		
Tên em là: MSSV:		
Sinh ngày:/...../ 19 Nam (Nữ):.....		
Hộ khẩu thường trú:		
.....		
Là sinh viên Lớp: Khóa:.....		
Hệ đào tạo: Điện thoại:.....		
Lý do xin cấp thẻ:		
.....		
<i>Chú ý: Sinh viên phải gửi đơn này kèm theo: 01 ảnh (3x4) và 01 bản photocopy CMT 2 mặt về Phòng 105 - Nhà 7 vào Thứ 3 và Thứ 5 - Trường Đại học KTQD để Nhà trường phát hành thẻ.</i>		
<i>Hà Nội, ngày tháng năm 20....</i>		
XÁC NHẬN CỦA VIỆN/KHOA QUẢN LÝ SINH VIÊN	NGƯỜI LÀM ĐƠN	

(1) Làm Đơn xin cấp lại thẻ sinh viên (theo Mẫu đơn trang trên hoặc có thể download tại địa chỉ: <http://khaothi-dbclgd.neu.edu.vn/ViewVanBan.aspx?ID=59>), lấy xác nhận của Khoa/Viện quản lý sinh viên.

(2) Nộp đơn tại Phòng 105 - Nhà 7 kèm theo:

- 01 ảnh (3x4);
- 01 bản photocopy CMT 2 mặt;
- Lệ phí làm lại thẻ;

Vào các ngày thứ 3 và thứ 5 hàng tuần.

(3) Thời gian nhận thẻ mới: sau 1 tuần (kể từ ngày nộp Đơn xin cấp lại thẻ sinh viên).

2. Quy trình kết nạp vào Đảng đối với Đoàn viên ưu tú

Bước 1: Được cử đi học và được cấp giấy Chứng nhận học lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng

Bước 2: Đoàn trường xét duyệt và lập Danh sách Đoàn viên ưu tú đủ tiêu chuẩn và đã được cấp Giấy Chứng nhận học lớp Bồi dưỡng Nhận thức về Đảng gửi Chi bộ Sinh viên xét cho làm hồ sơ Phát triển Đảng.

Bước 3: Chi bộ Sinh viên họp xét Danh sách đoàn viên ưu tú theo đề nghị của Đoàn trường chọn đoàn viên ưu tú đủ tiêu chuẩn và phân công Đảng viên chi bộ hướng dẫn khai lý lịch và làm hồ sơ, thủ tục kết nạp Đảng.

Bước 4: Đoàn viên ưu tú khai lý lịch theo hướng dẫn của Đảng viên được phân công, thực hiện các thủ tục thẩm tra lý lịch theo quy định. Sau khi có kết quả thẩm tra lý lịch, Chi bộ họp xét lý lịch của người xin vào Đảng, ghi nhận xét vào lý lịch đã thẩm tra, gửi Đảng ủy trường nhận xét, xác nhận.

Bước 5: Chi đoàn(hoặc Câu lạc bộ, tổ, đội) tổ chức Hội nghị giới

thiệu Đoàn viên ưu tú vào Đảng tại chi đoàn(hoặc Hội nghị Câu lạc bộ,tổ đội) và ghi biên bản gửi lên BCH liên chi đoàn (hoặc BCH Hội Sinh viên)

Bước 6: BCH Liên chi đoàn (BCH Hội Sinh viên) tổ chức Hội nghị giới thiệu Đoàn viên ưu tú vào Đảng Cộng sản Việt Nam, ghi biên bản và hoàn chỉnh hồ sơ gửi lên Ban Thường vụ Đoàn trường.

Bước 7: Ban Thường vụ Đoàn trường họp xét và ra Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng Cộng sản Việt Nam, hoàn chỉnh hồ sơ gửi Chi bộ Sinh viên.

Bước 8: Chi bộ Sinh viên họp xét và ra quyết định Kết nạp Đảng với đoàn viên ưu tú, hoàn chỉnh hồ sơ gửi Đảng uỷ trường.

Bước 9: Đảng uỷ trường họp xét và ra Quyết định Kết nạp Đoàn viên ưu tú vào Đảng Cộng sản Việt Nam, chuyển Quyết định về Chi bộ Sinh viên để tổ chức kết nạp Đảng cho đoàn viên ưu tú.

Lưu ý

- Các đoàn viên đã học và có giấy Chứng nhận học lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng cần thông báo cho Bí thư Chi đoàn lập Danh sách và gửi về LCD để báo cáo Đoàn trường theo dõi.

- Theo kế hoạch của Đảng uỷ trường, hàng năm có 02 lớp học Bồi dưỡng nhận thức về Đảng được tổ chức vào tháng 04 và tháng 10.

- Đoàn viên phải học tập và sinh hoạt tại trường tối thiểu 01 năm mới được xem xét giới thiệu học lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng hoặc làm thủ tục xét kết nạp Đảng.

- Thông báo và Quy định chi tiết về Tiêu chuẩn, Hướng dẫn quy trình, Quy định xem tại website:

www.youthneu.edu.vn mục **Chi bộ sinh viên**.

(Chi tiết xin truy cập trang web: www.doanthanhvien.neu.edu.vn)

3. Quy trình làm thủ tục để mua vé xe Bus

- (1) Sinh viên đến địa điểm bán vé xe bus gần nhất lấy Phiếu đăng ký mua vé xe bus;
- (2) Điền đầy đủ các thông tin và dán 2 ảnh (3x4) theo quy định;
- (3) Gửi Phiếu đăng ký mua vé xe bus lên Văn phòng Khoa/Viện quản lý sinh viên để xin xác nhận và đóng dấu của Nhà trường;
- (4) Sinh viên nhận lại Phiếu sau 3 ngày

4. Quy trình cấp giấy giới thiệu để đăng ký xe gắn máy

- (1) Sinh viên photocopy hóa đơn mua xe máy (*hóa đơn GTGT*);
- (2) Điền các thông tin vào quyển Giấy giới thiệu của Nhà trường ở Văn phòng Khoa/Viện quản lý sinh viên;
- (3) Khoa/Viện quản lý sinh viên sẽ tiến hành kiểm tra, xác nhận và chuyển Giấy giới thiệu đó xuống Phòng CTCT&QLSV để ký xác nhận và đóng dấu của Nhà trường;
- (4) Sinh viên nhận Giấy giới thiệu tại Khoa/Viện quản lý sinh viên sau 3 - 5 ngày.

II. QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ VÀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HỆ CHÍNH QUY

(Trích “Nghị định số 49/2010/NĐ-CP về quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm 2010-2011 đến năm học 2014-2015”, “Nghị định số 74/2013/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học

2014-2015”, và “Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010, Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định này”)

1. Học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

a. Mức trần học phí đối với đào tạo trình độ đại học tại trường công lập theo các nhóm ngành đào tạo chương trình đại trà từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/tháng/sinh viên

Nhóm ngành	Năm học				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	290	355	420	485	550
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	310	395	480	565	650
3. Y dược	340	455	570	685	800

b. Học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập chương trình đại trà: căn cứ vào trần học phí từng năm học, đặc điểm và yêu cầu phát triển của ngành đào tạo, hình thức đào tạo, hoàn cảnh của HSSV, Giám đốc các đại học, Hiệu trưởng và Thủ trưởng các trường, các cơ sở đào tạo thuộc Trung ương quản lý, quy định học phí cụ thể đối với từng loại đối tượng, từng trình độ đào tạo.

c. Học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học của các doanh nghiệp nhà nước: Căn cứ vào chi phí đào tạo, các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng mức thu học phí cho các nhóm ngành theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí đào tạo và báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội trước khi thực hiện. Riêng đối với các chuyên ngành đào tạo được ngân sách nhà nước hỗ trợ, mức học phí phải theo khung quy định của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP. Mức học phí phải công khai cho từng năm học và dự kiến cả khóa học để người học biết trước khi tuyển sinh (Trường hợp người học thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học của các doanh nghiệp nhà nước, Nhà nước sẽ cấp bù học phí theo mức trần học phí tương ứng với các nhóm ngành, nghề quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP).

d. Học phí theo phương thức giáo dục thường xuyên không vượt quá 150% mức học phí chính quy cùng cấp học và cùng nhóm ngành nghề đào tạo. Học phí đối với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục và người học

e. Học phí đào tạo theo tín chỉ: mức thu học phí của một tín chỉ được xác nhận căn cứ vào tổng thu học phí của toàn khóa học theo nhóm ngành đào tạo và số tín chỉ đó theo công thức dưới đây:

$$\text{Học phí tín chỉ} = \frac{\text{Tổng học phí toàn khóa}}{\text{Tổng số tín chỉ toàn khóa}}$$

$$\text{Tổng học phí toàn khóa} = \frac{\text{Mức thu học phí 1 sinh viên}}{1 \text{ tháng}} \times 10 \text{ tháng} \times \text{Số năm học}$$

f. Xác định học phí của chương trình đào tạo chất lượng cao và đào tạo cho người nước ngoài

- Học phí của chương trình đào tạo chất lượng cao

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thực hiện chương trình chất lượng cao được chủ động xây dựng mức học phí tương xứng để trang trải chi phí đào tạo trình Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH cho phép và phải công khai mức học phí cho người học biết trước khi tuyển sinh.

- Học phí đối với người nước ngoài học ở các cơ sở giáo dục Việt Nam do các cơ sở giáo dục quyết định.

2. Thu học phí

Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu HSSV tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, học phí được thu 10 tháng/năm. Trong trường hợp tổ chức giảng dạy, học tập theo học chế tín chỉ, cơ sở giáo dục có thể quy đổi để thu học phí theo tín chỉ song tổng số học phí thu theo tín chỉ của cả khóa học không được vượt quá mức học phí quy định cho khóa học nếu thu theo năm học.

3. Đối tượng được miễn học phí

(1) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo PL Ưu đãi NCCVCM số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005, PL số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi NCCVCM. Cụ thể:

- Sinh viên là: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B;

- Sinh viên là con của: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến; liệt sỹ; thương binh, bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

a. Giấy khai sinh;

b. Giấy xác nhận thuộc đối tượng được quy định do cơ quan quản lý đối tượng người có công hoặc Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

c. Thẻ thương binh / Thẻ bệnh binh / thẻ thanh niên xung phong /

GXN liệt sĩ/ GXN AHLLVTND/ GXN AHLĐTKC/ Quyết định về người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học...;

d. Đơn xin miễn, giảm học phí

Ví dụ:

+ Sinh viên là con của thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, liệt sĩ:

- Giấy khai sinh
- Thẻ thương binh / Thẻ bệnh binh / thẻ thanh niên xung phong / GXN liệt sĩ...;
- Đơn xin hưởng ưu đãi trong GD & ĐT do phòng lao động thương binh xã hội quận (huyện) cấp.

- Đơn xin miễn, giảm học phí

+ Sinh viên là con của người người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học:

- Giấy khai sinh
- Quyết định của sở LĐ-TB&XH về trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học.
- Giấy xác nhận thuộc đối tượng nhiễm chất độc hóa học do Ủy ban nhân dân xã xác nhận
- Đơn xin miễn, giảm học phí

(2) Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa:

- a. Giấy khai sinh;
- b. Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã về đối tượng là sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa
- c. Bản sao giấy chứng tử của cha, mẹ.
- d. Đơn xin miễn, giảm học phí

(3) Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế:

- a. Giấy khai sinh;
- b. Hộ khẩu;
- c. Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội (Mẫu số 01 – ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
- d. Giấy chứng nhận hộ cận nghèo.
- e. Đơn xin miễn, giảm học phí

(4) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- a. Giấy khai sinh;
- b. Hộ khẩu;
- c. Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo) do Ủy ban nhân dân xã cấp.
- d. Đơn xin miễn, giảm học phí

(5) Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- a. Giấy khai sinh;
- b. Hộ khẩu;
- c. Đơn xin miễn, giảm học phí

- Danh sách 16 dân tộc rất ít người có dân số dưới 10.000 người gồm:

La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bố Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu.

- Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK theo quy định:

+ Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

+ Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã ĐBKK vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);

+ Quyết định số 113/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã hoàn thành mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa giai đoạn 1999-2005, bổ sung các xã, thôn, bản vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II và xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo vào diện đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010;

+ Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 6/9/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;

+ Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

+ Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

+ Quyết định số 1105/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung danh sách xã đặc biệt khó

khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

+ Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

+ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

4. Đối tượng được giảm 50% học phí, gồm:

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

- a. Giấy khai sinh;
- b. Thẻ tai nạn lao động / GXN bệnh nghề nghiệp ...;
- c. Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng do tổ chức BHXH cấp.
- d. Đơn xin miễn, giảm học phí

5. Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

(1) Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại nhà trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

(2) Cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí học chính quy ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập.

a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu học kỳ, HSSV phải làm đơn đề nghị cấp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí (*Mẫu đơn phụ lục III*) có xác nhận của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập gửi phòng LĐ-TB&XH cấp huyện kèm theo bản sao chứng thực một trong các giấy tờ sau:

+ Giấy xác nhận thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 4 của thông tư này do cơ quan quản lý đối tượng người có công hoặc ủy ban nhân dân xã xác nhận;

+ Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ gia đình đối với đối tượng được miễn, giảm học phí;

+ Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này là HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa; Kết luận của Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này là HSSV bị tàn tật, khuyết tật và giấy giấy chứng nhận hộ cận nghèo của ủy ban nhân dân cấp xã cho đối tượng có khó khăn về kinh tế;

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập có trách nhiệm xác nhận cho HSSV thuộc đối tượng miễn, giảm học phí vào giấy xác nhận được quy định tại phụ lục VI kèm theo thông tư liên tịch này. Trong vòng 30 ngày sau khi bắt đầu học kỳ mới cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm cấp giấy xác nhận cho HSSV nộp về phòng LĐ-TB&XH cấp huyện làm căn cứ chi trả tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí.

b) Phương thức chi trả:

- Phòng LĐ-TB&XH chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ học sinh,

sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Trường hợp học sinh, sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc bị thôi học thì các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học nơi học sinh, sinh viên đang học gửi thông báo để phòng lao động – thương binh và xã hội dừng thực hiện chi trả. Khi học sinh, sinh viên được nhập học lại sau khi hết hạn kỷ luật, theo xác nhận của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thì phòng thương binh- lao động và xã hội tiếp tục thực hiện chi trả. Thời gian học lưu ban, học lại, ngừng học, học bổ sung sẽ không được tính để chi trả tiền cấp bù miễn, giảm học phí.

- Tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí được cấp như sau:

+ Đối với HSSV học chính quy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập: cấp 10 tháng/năm theo kỳ hạn như sau: Lần 1 cấp vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; Lần 2 cấp vào tháng 3 hoặc tháng 4 hàng năm.

+ Đối với HSSV học nghề thường xuyên và các khóa đào tạo ngắn hạn: Hỗ trợ tối đa theo mức trần học phí đối với cao đẳng nghề công lập quy định tại Nghị định 49 và cấp theo số tháng thực học.

Trường hợp gia đình HSSV chưa nhận tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

c) Thời điểm được hưởng: theo số tháng thực học kể từ ngày 01/7/2010.

6. Quy trình làm thủ tục miễn giảm học phí

(1) Tải mẫu Đơn xin miễn, giảm học phí trên trang www.neu.edu.vn/Sinhvien (hoặc làm đơn theo Mẫu đơn dưới đây)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP TIỀN HỖ TRỢ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ**

Kính gửi: Phòng lao động-thương binh và xã hội (cấp huyện)

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Họ tên cha/mẹ học sinh, sinh viên:

Hộ khẩu thường trú (ghi đầy đủ):

Xã (Phường): Huyện (Quận):

Tỉnh (Thành phố):

Ngành học:Mã số sinh viên:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch hướng dẫn Nghị định 49)*:

Căn cứ vào Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét, giải quyết để được cấp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm 20...

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Anh/chị:

Hiện là sinh viên năm thứ: Học kỳ: Năm học: 20...- 20...

Lớp:Khoa:Khóa học: 20...- 20...

Thời gian khóa học (năm) hệ đào tạo **Chính quy** của nhà trường.

Kỷ luật: (ghi rõ mức độ kỷ luật nếu có).

Số tiền học phí hàng tháng: đồng.

Đề nghị phòng lao động - thương binh và xã hội xem xét giải quyết tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho anh/chị theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm 20...

TL. Hiệu trưởng

KT.Trường phòng

Phó trưởng Phòng CTCT&QLSV

HƯỚNG DẪN LÀM ĐƠN

Lưu ý:

+ Sinh viên chưa nộp hồ sơ đối tượng chính sách cho Phòng CTCT&QLSV, đề nghị nộp hồ sơ tại Phòng 110 – Nhà 7 (Thứ 3 và Thứ 5).

+ Sinh viên đã nộp hồ sơ đối tượng chính sách, nộp đơn đề nghị cấp tiền hỗ trợ MGHP tại Văn phòng Khoa (Viện)

+ Đơn chỉ được viết bằng mực bút bi, màu xanh

+ Không nhận đơn điền sai theo hướng dẫn, không nhận đơn bị bôi xóa hoặc viết bằng bằng hai màu mực trở lên.

Phần một:

Họ và tên: **điền bằng chữ in hoa.** Ví dụ : NGUYỄN VĂN A

Ngày tháng làm đơn, ký tên: **ghi rõ ngày tháng làm đơn và ký tên đầy đủ**

Thuộc đối tượng: **ghi cụ thể đối tượng theo Thông tư hoặc văn bản hướng dẫn của P.CTCT&QLSV.**

Ví dụ “ *Sinh viên có cha mẹ thường trú tại vùng cao*”; “ *Sinh viên có cha mẹ thường trú tại vùng biên giới*”; “ *Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa*”; “ *Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo*”....

Các nội dung khác: ghi đầy đủ.

Phần hai:

Anh/ chị: (**ghi lại họ tên như ở phần một**): NGUYỄN VĂN A

Hiện là sinh viên năm thứ: **ghi rõ ràng cả số và chữ** . Ví dụ: năm thứ 4 (bốn).

Học kỳ: **1 hoặc 2** (*không ghi bằng số La Mã*)

Lớp: ghi đúng lớp đang học. Ví dụ: Thương mại 50A

Khoa: ghi đầy đủ, không viết tắt

Khóa học: **ghi năm bắt đầu học và năm kết thúc chương trình học**

Thời gian khóa học: **4-6 năm đối với Đại học**. Trường hợp SV học quá hạn trên, liên hệ P.CTCT&QLSV làm đơn xác nhận đang học tại trường để nộp kèm theo mẫu đơn này)

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Kỷ luật: **ghi rõ mức kỷ luật nếu có, không bị kỷ luật ghi “không”**

Số tiền học phí hàng tháng: **Lấy số tiền học phí theo mức Nhà trường quy định theo từng năm học.**

Ví dụ: Năm học 2010 – 2011, số tiền học phí Nhà trường quy định là: 290.000 đồng/tháng

Năm học 2011 – 2012, số tiền học phí Nhà trường quy định là: 355.000 đồng/tháng

...miễn giảm học phí cho anh/ chị: **ghi lại họ tên bằng chữ hoa thường**

Hà Nội, ngày tháng năm 20....: **SV ghi rõ ngày tháng ở phần xác nhận của nhà trường**

(2) Ghi đầy đủ thông tin và nộp lên Khoa/Viện.

(3) Sau khi nhận lại đơn xin miễn giảm học phí (*tại Khoa/Viện*), đề nghị sinh viên mang về địa phương nộp để lĩnh tiền miễn giảm;

(4) Sinh viên chưa nộp hồ sơ đối tượng chính sách khi nhập học, đề nghị nộp Hồ sơ chính sách tại Phòng 110 - Nhà 7 (*vào Thứ 3 và Thứ 5 hàng tuần*).

Lưu ý:

- Sinh viên thuộc đối tượng Hộ nghèo, dân tộc Kinh không được miễn giảm học phí.

- Đối với những trường hợp thuộc đối tượng miễn giảm học phí, sinh viên vẫn phải đóng tiền học phí theo quy định tại Phòng Tài chính kế toán.

III. QUY ĐỊNH VỀ HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY

(Trích “Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/12/2001 về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với HSSV là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ giáo dục và đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 1/8/2013 về bổ sung khoản 3 điều 2 quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT; Quyết định số 528/QĐ-DHKTQD ngày 02/6/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD”)

1. Tiêu chuẩn và mức xét cấp học bổng khuyến khích học tập (KKHT)

a. Tiêu chuẩn xét

- Sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên.
- Sinh viên không bị kỷ luật từ mức khiển trách cấp trường trở lên trong học kỳ xét học bổng. Trong trường hợp bị kỷ luật trước đó, nếu thời gian có hiệu lực kỷ luật nằm trong thời gian xét cấp học bổng cũng không thuộc đối tượng xem xét.

b. Mức xét cấp học bổng khuyến khích học tập

Học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên đủ tiêu chuẩn trong phạm vi quỹ học bổng KKHT của trường theo các mức sau:

+ Học bổng **loại khá**: Có điểm Trung bình chung học tập (TBCHT) đạt loại khá trở lên (7,0 - cận 8,5) và điểm rèn luyện đạt loại Khá trở lên.

Mức học bổng **loại khá**: bằng Mức *trần học phí được quy định theo điều 12 - Chương III - Nghị định 49/2010/NĐ-CP*.

+ Học bổng **loại giỏi**: Có điểm TBCHT đạt loại giỏi trở lên (8,5 - 10) và điểm rèn luyện đạt loại Tốt trở lên.

Mức học bổng **loại giỏi**: bằng *Hệ số 1,5 mức học bổng loại Khá*.

Điểm TBCHT nói trên được xác định theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (*Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*), chỉ được lấy điểm thi, điểm kiểm tra hết môn lần thứ nhất, trong đó không có điểm thi, điểm kiểm tra dưới 5,0.

Kết quả rèn luyện của sinh viên được xác định theo “*Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Kinh tế Quốc dân*” (*Ban hành theo Quyết định số 281/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 24/3/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*)

2. Nguồn cấp học bổng khuyến khích học tập

Quỹ học bổng KKHT của trường Đại học Kinh tế Quốc dân được trích bằng 13% - 15% nguồn thu học phí hệ chính quy dài hạn (*theo quy định của Nghị định 49/NĐ-CP ngày 14/5/2010*).

3. Thủ tục và trình tự xét cấp học bổng khuyến khích học tập

a) Thủ tục xét cấp

(1) Nhà trường căn cứ vào Nguồn học bổng KKHT, xác định số lượng suất học bổng KKHT cho từng khóa học, ngành học.

(2) Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên học kỳ

trước, Nhà trường tiến hành xét, cấp học bổng cho sinh viên ở kỳ tiếp theo, theo thứ tự từ loại giỏi trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định dựa trên Nguồn học bổng KKHT của trường.

(3) Sinh viên đào tạo theo học chế tín chỉ được xét, cấp học bổng KKHT theo số lượng tín chỉ (*sinh viên năm thứ nhất tối thiểu 20 tín chỉ và sinh viên năm thứ hai trở lên tối thiểu 25 tín chỉ; được tính tương đương với một học kỳ để xét học bổng*).

b) Trình tự xét cấp học bổng:

Bước 1: Đầu học kỳ, Phòng CTCT&QLSV phối hợp với phòng TC-KT phân bổ học bổng KKHT cho sinh viên hệ chính quy theo các Khoa/Viện quản lý sinh viên.

Bước 2: Trên cơ sở chỉ tiêu học bổng phân bổ vào đầu học kỳ, các Khoa/Viện quản lý sinh viên căn cứ vào kết quả học tập, rèn luyện học kỳ trước của sinh viên tiến hành kiểm tra, rà soát, xét và lập danh sách đề nghị trường cấp học bổng KKHT (*qua phòng CTCT và QLSV*).

Đối với sinh viên cuối khóa, các Khoa/Viện QLSV căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 7 của sinh viên để xét học bổng KKHT trong cả năm học đó. Sau đó, các Khoa/Viện QLSV lập danh sách đề nghị trường cấp học bổng KKHT cả năm học gửi Phòng CTCT&QLSV.

Bước 3: Phòng CTCT và QLSV tổng hợp danh sách của Khoa/Viện quản lý sinh viên gửi; tiến hành kiểm tra và lập quyết định cấp học bổng KKHT cho sinh viên trình BGH phê duyệt.

Bước 4: Phòng CTCT&QLSV gửi quyết định được phê duyệt cho Phòng Tài chính - Kế toán, các Khoa/Viện QLSV để thông báo và thực hiện.

4. Điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với HSSV là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Nghị định số 49/2010/N-CP ngày 14/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

4.1. Nâng mức học bổng chính sách từ 280.000 đồng/người/tháng lên 360.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với sinh viên học hệ cử tuyển, sinh viên các trường dự bị đại học dân tộc, học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

4.2. Nâng mức trợ cấp xã hội từ 100.000 đồng/người/tháng lên 140.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với học sinh, sinh viên ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn tập trung.

5. Mức học bổng chính sách được tính bằng 80% mức lương tối thiểu, được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 theo Thông tư số 23/2008/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/4/2008 của Bộ GD&ĐT - Bộ LĐ, TB&XH - Bộ Tài chính.

IV. VỀ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN

(Trích “Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên”)

1. Đối tượng được vay vốn

HSSV có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường ĐH (*hoặc tương đương ĐH*), CĐ&TCCN và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

1.1. HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

1.2. HSSV là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

- Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

- Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

1.3. HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư

2. Phương thức cho vay

2.1. Việc cho vay đối với HSSV được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng CSXH. Trường hợp HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động, được trực tiếp vay vốn tại Ngân hàng CSXH nơi nhà trường đóng trụ sở.

2.2. Giao Ngân hàng CSXH thực hiện cho vay đối với HSSV.

3. Điều kiện vay vốn

3.1. HSSV đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 Quyết định này.

3.2. Đối với HSSV năm thứ nhất, phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường.

3.3. Đối với HSSV từ năm thứ hai trở đi, phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: *cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.*

4. Mức vốn cho vay

4.1. Mức vốn cho vay theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4.2. Ngân hàng CSXH quy định mức cho vay cụ thể đối với HSSV căn cứ vào mức thu học phí của từng trường và sinh hoạt phí theo vùng nhưng không vượt quá mức cho vay quy định tại mục 4.1.

4.3. Khi chính sách học phí của Nhà nước có thay đổi và giá cả sinh hoạt có biến động, Ngân hàng CSXH thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mức vốn cho vay.

5. Thời hạn cho vay

5.1. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày đối tượng được vay vốn bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (*gốc và lãi*) được ghi trong hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

5.2. Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày đối tượng được vay vốn nhận món vay đầu tiên cho đến ngày HSSV kết thúc khoá học, kể cả thời gian HSSV được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (*nếu có*). Thời hạn phát tiền vay được chia thành các kỳ hạn phát tiền vay do Ngân hàng CSXH quy định hoặc thoả thuận với đối tượng được vay vốn.

5.3. Thời hạn trả nợ là khoảng thời gian tính từ ngày đối tượng được vay vốn trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ (*gốc và lãi*). Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo không quá 1 năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng 2 lần thời hạn phát tiền vay, đối với các chương trình đào tạo khác, thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay. Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do Ngân hàng CSXH quy định.

6. Lãi suất cho vay

6.1. Lãi suất cho vay ưu đãi đối với HSSV là 0,5%/tháng.

6.2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

7. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, trả nợ

Ngân hàng CSXH quy định hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, trả nợ bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

8. Trả nợ gốc và lãi tiền vay

8.1. Trong thời hạn phát tiền vay, đối tượng được vay vốn chưa phải trả nợ gốc và lãi; lãi tiền vay được tính kể từ ngày đối tượng được vay vốn nhận món vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc.

8.2. Đối tượng được vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên ngay sau khi HSSV có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khoá học.

8.3. Mức trả nợ mỗi lần do Ngân hàng CSXH hướng dẫn và được thống nhất trong hợp đồng tín dụng.

9. Ưu đãi lãi suất trong trường hợp trả nợ trước hạn

Trường hợp đối tượng vay vốn trả nợ trước hạn đã cam kết trong hợp đồng tín dụng lãi suất phải trả sẽ được giảm lãi vay. Ngân hàng CSXH quy định cụ thể mức ưu đãi lãi suất trong trường hợp trả nợ trước hạn.

10. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn

10.1. Đến kỳ trả nợ cuối cùng, người vay có khó khăn chưa trả được nợ, phải có văn bản đề nghị gia hạn nợ thì được Ngân hàng CSXH xem xét cho gia hạn nợ cho đối tượng vay vốn; thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ.

10.2. Trường hợp đối tượng được vay vốn không trả nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và không được phép gia hạn nợ, Ngân hàng CSXH chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng CSXH phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội có biện pháp thu hồi nợ.

10.3. Ngân hàng CSXH quy định cụ thể việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn.

11. Xử lý rủi ro do nguyên nhân khách quan

Việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo quy định về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng CSXH.

CÁC BÀI CA TRUYỀN THỐNG

BÀI CA ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Sáng tác: Thanh An

Ta hát vang bài ca kinh tế quốc dân,
nơi đây xưa gian khó quyết không lùi bước.
Vì quê hương xếp bút nghiên ra nơi tiền phương đòi hiến dâng
dành lấy núi sông yên bình.
Vai sát vai hành trang bước tiếp chặng đường,
là mặt trận kinh tế đắp xây tổ quốc.
Từ nơi đây chấp cánh bay cho bao tuổi xuân xứng danh mái
trường KTQD Việt Nam.
Cùng nhau, ta mang trong tim lời Bác năm xưa.
Người về thăm trường mang bao câu ca thấp sáng ước mơ.
Tới muôn phương trời khắp năm châu xa vời, rạng rỡ non sông
Tổ quốc ta.
Ngày mai, đi xa muôn nơi lòng mãi không quên.
Là trường anh hùng vinh quang mang tên KTQD.
Bước theo lá cờ thắm mãi trong tim mình.
Ta hát vang bài ca trường ĐH KTQD.

BÀI CA ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Sáng tác: Sinh viên Nguyễn Đăng Bình

Khoá 38 - ĐH KTQD

Giữa thủ đô về vang lịch sử có mái trường đại học của chúng tôi, ĐH KTQD, ĐH KTQD. Một mái trường của bao nhiêu truyền thống, ghi công ơn thầy cô giáo kính yêu, bao nhân tài đi xây đất nước từ mái trường đại học của chúng tôi.

Trường tôi đó xiết bao tình nghĩa thầy trò sâu nặng làm về vang truyền thống mái trường, trường đi qua chiến tranh, vượt gian lao khó khăn, cùng đất nước tiến nhanh.

Một mái trường như mái nhà thân thiết, chúng tôi cùng luyện rèn vì ngày mai, hăng say thi đua gắng sức học hành, tiếp bước cha anh, đại học KTQD

Trường tôi đó xứng với niềm tin của Đảng, Bác Hồ cùng đẩy nhanh kinh tế nước nhà, đầy tự hào yêu thương, trường đại học chúng tôi, mái trường KTQD

HÁT LÊN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Sáng tác: Duy Quang

Hát lên đi bài ca năm tháng, hát lên đi bài ca cuộc đời.

Chặng đường dài ta đã qua, niềm tự hào của chúng ta.

Trái tim ta ngày đêm mơ ước, Tổ quốc ta kinh tế mạnh giàu.

Việt Nam ơi! Tương lai đang chờ ta...

Dưới mái trường đại học Kinh Tế Quốc Dân, chiếc nôi cho ta

trưởng thành khôn lớn. Với những nghĩ suy, những đề tài khoa học. Là hành trang vào đời, của mỗi người chúng ta, vì đất nước phồn vinh. Là niềm tin, là tình yêu cho ta đi tới, những chân trời khát vọng bừng sáng trong tim. Bao thế hệ thầy trò đại học Kinh Tế Quốc Dân.

MỘT SỐ BÀI HÁT TRUYỀN THỐNG CỦA ĐOÀN - HỘI

THANH NIÊN LÀM THEO LỜI BÁC (Đoàn ca)

Nhạc sỹ Hoàng Hòa

Kết liên lại thanh niên chúng ta cùng nhau đi lên.
Giờ nắm tay thề gìn giữ hoà bình độc lập tự do.
Kết liên lại thanh niên chúng ta cùng quyết tiến bước.
Đánh tan quân thù xây đắp cuộc đời hạnh phúc ấm no..
Đi lên thanh niên khó khăn ngại chi.
Đi lên thanh niên làm theo lời Bác.
Không có việc gì khó chỉ sợ lòng không bền.
Đào núi và lấp biển quyết chí ắt làm nên..
Kết liên lại thanh niên chúng ta cùng nhau đi lên.
Giờ nắm tay thề gìn giữ hoà bình độc lập tự do.
Kết liên lại thanh niên chúng ta cùng quyết tiến bước.
Đánh tan quân thù xây đắp cuộc đời hạnh phúc ấm no..
Đi lên thanh niên khó khăn ngại chi.
Đi lên thanh niên làm theo lời Bác.
Không có việc gì khó chỉ sợ lòng không bền.
Đào núi và lấp biển quyết chí ắt làm nên.

Kết liên lại thanh niên chúng ta cùng nhau đi lên.
Giờ nắm tay thề gìn giữ hoà bình độc lập tự do.

Kết liên lại thanh niên chúng ta cùng quyết tiến bước.
Đánh tan quân thù xây đắp cuộc đời hạnh phúc ấm no..
Đi lên thanh niên khó khăn ngại chi.
Đi lên thanh niên làm theo lời Bác.
Không có việc gì khó chỉ sợ lòng không bền.
Đào núi và lấp biển quyết chí ắt làm nên..
Kết liên lại thanh niên chúng ta cùng nhau đi lên.
Giờ nắm tay thề gìn giữ hoà bình độc lập tự do.
Kết liên lại thanh niên chúng ta cùng quyết tiến bước.
Đánh tan quân thù xây đắp cuộc đời hạnh phúc ấm no..
Đi lên thanh niên khó khăn ngại chi.
Đi lên thanh niên làm theo lời Bác.
Không có việc gì khó chỉ sợ lòng không bền.
Đào núi và lấp biển quyết chí ắt làm nên..

BÀI CA SINH VIÊN

(Bài ca chính thức của Hội Sinh viên Việt Nam)

Nhạc sỹ Trần Hoàng Tiến

Bài ca sinh viên ta hát, có nắng ấm ban mai ửng hồng.
Tuổi sinh viên theo năm tháng, trang sách mới ước mơ tràn đầy.
Hàng me xôn xao cây lá, cất tiếng hát vút ca trời mây.
Đàn chim hôm nay đã lớn, ta sẽ nhớ mãi sân trường này.
Tới những chân trời mới, kìa Tổ quốc biết bao tươi đẹp
Tới những công trình mới, dệt nên những ước mơ cho đời.
Ta mơ một ngày mai, bàn tay ta biến sông thành điện.
Đi đi nào bạn ơi, dệt nên những ước mơ cho đời.

NHỮNG ĐIỀU SINH VIÊN
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN CẦN BIẾT
(TÁI BẢN LẦN THỨ HAI, CÓ SỬA CHỮA BỔ SUNG)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Địa chỉ: 207 Đường Giải Phóng, Hà Nội

Website: <http://nxb.neu.edu.vn>-Email: nxb@neu.edu.vn

Địa chỉ phát hành Ebooks: <http://alezaa.com/ktqd>

Điện thoại: (04) 38.696.407-36.282.486-36.282.483

Fax: (04) 36.282.485

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN ANH TÚ, Giám đốc Nhà xuất bản

GS.TS. NGUYỄN THÀNH ĐỘ, Tổng biên tập

Chịu trách nhiệm nội dung:

ThS. TẠ MẠNH THẮNG

Phó Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

Biên tập kỹ thuật:

Nguyễn Trọng Tuấn

Chế bản vi tính:

Nguyễn Quang Kết

Sửa bản in và đọc sách mẫu:

ThS. Tạ Mạnh Thắng

In 100 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

Mã số ĐKXB: 2021 - 2014/CXB/02-137/ĐHKQTĐ và ISBN: 978-604-927-846-4

Số quyết định xuất bản: 158/QĐ-NXBĐHKQTĐ

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2014.